

## HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số hiệu gói thầu:** DVN-DV-366/26-XL

**Tên gói thầu:** Thuê tàu kéo phục vụ thi công biển (Không bao gồm MGO)

**Dự án:** Dự án phát triển mỏ Thiên Nga Hải Âu và Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Nam

**Phát hành ngày:** 25/02/2026

**Ban hành kèm theo Quyết định:** 144/HST-TTĐV



# MỤC LỤC

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

### **Phần 4. CÁC PHỤ LỤC**



# MÔ TẢ TÓM TẮT

## Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

## Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.



## **PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC**

- **TECHNICAL REQUIREMENT**
- **TECHNICAL EVALUATION**



**Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<b>3. Nguồn vốn</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>4. Hành vi bị cấm</b>	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p>



	<p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Vietsov.</p>
--	--



	<p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro;</p> <p>f) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;</li> </ul>



	<p>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <p>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p><b>Phần 4. Các phụ lục</b></p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn</p>



	<p>bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b> . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b>	12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại <b>E-BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.



	<p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSMT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p><b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</b></p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSMT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>



<p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b></p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu</p>



trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

- a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu;
- b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:
  - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
  - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;
  - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;
  - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được



	<p>thông báo mời thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSDT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p>
<b>19. Thời điểm đóng thầu</b>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>E-TBMT</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<b>21. Mở thầu</b>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>23. Làm rõ E-HSĐT</b>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p>



	<p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p>
<p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSĐT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSĐT</b></p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSĐT dựa trên nội dung của E-HSĐT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSĐT đáp ứng cơ bản là E-HSĐT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSĐT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSĐT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSĐT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSĐT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSĐT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác,</p>



	đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
<b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<b>27. Nhà thầu phụ</b>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>



<p><b>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b> - Không áp dụng.</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p><b>29. Đánh giá E-HSDT</b></p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT.</li> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá;</li> <li>- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li> </ul> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p>



	<p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSMT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSMT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSMT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a và b Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin theo file đính kèm là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để</p>
--	--



	<p>đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p><b>30. Đối chiếu tài liệu</b></p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p><b>31. Thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-</p>



	<p>HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p><b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p><b>33. Hủy thầu</b></p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4</p>



	<p>Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p><b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>35. Thay đổi khối lượng dịch</b></p>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ</p>



<b>vụ</b>	<p>thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>
<b>36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<b>37. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>
<b>39. Giải quyết kiến nghị trong</b>	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các</p>



<b>đấu thầu</b>	<p>vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>



## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Chủ đầu tư: <b>Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro</b>				
<b>E-CDNT 1.2</b>	<p>Tên gói thầu: <b>Thuê tàu kéo phục vụ thi công biển (không bao gồm MGO), Đơn hàng DVN-DV-366/26-XL</b></p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm là: <i>Phát triển mỏ Đại Hùng Nam và Dự án Thiên Nga – Hải Âu</i></p> <p><b>Gói thầu được chia làm 02 phần:</b></p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 15%; text-align: center;"><b>NHÓM 1</b></td> <td><b>Tàu kéo Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)</b></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>NHÓM 2</b></td> <td><b>Tàu kéo Tug#2 (tối thiểu 5.000 BHP)</b></td> </tr> </table>	<b>NHÓM 1</b>	<b>Tàu kéo Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)</b>	<b>NHÓM 2</b>	<b>Tàu kéo Tug#2 (tối thiểu 5.000 BHP)</b>
<b>NHÓM 1</b>	<b>Tàu kéo Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)</b>				
<b>NHÓM 2</b>	<b>Tàu kéo Tug#2 (tối thiểu 5.000 BHP)</b>				
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): <i>Từ HĐ EPCI Dự án Phát triển mỏ Đại Hùng Nam và Dự án Thiên Nga – Hải Âu.</i>				
<b>E-CDNT 5.1 (c)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: [...] [Chủ đầu tư/Bên mời thầu] , trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro.</li> </ul> </li> <li>- Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</li> <li>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</li> </ul> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> <p>"Tỷ lệ sở hữu vốn" = <math>\sum_{i=1}^n [(Xi \times Yi)]</math></p> <p>Trong đó:</p> <p>Xi: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p>				



	<p>Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp</p>
<b>E-CDNT 7.1</b>	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu: 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 7.2</b>	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
<b>E-CDNT 7.5</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: <i>Không</i> [ghi "Có" hoặc "Không". Trường hợp "Có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSDT: ___ [theo quy định hiện hành]
<b>E-CDNT 10</b>	<p><b>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</b> ___ [ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với E-HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không yêu cầu"].</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn dự thầu (trích xuất từ hệ thống mạng đấu thầu).</li> <li>- Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 E-CDNT).</li> <li>- Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>);</li> <li>- Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có);</li> <li>- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ...</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính ..... năm gần nhất, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ...</li> <li>- Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Kế hoạch thực hiện chi tiết, Tiên độ thực hiện công việc ... Catalog hàng hóa, dịch vụ ...</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn bộ phần Giá dự thầu bao gồm: bảng tổng hợp và các bảng chi tiết chào giá theo mẫu quy định.</li> <li>- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 E-HSDT hoàn chỉnh.</li> </ul> <p><b>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</b></p>												
<b>E-CDNT 12.1</b>	Nhà thầu <b>Được phép</b> ___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”] nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.												
<b>E-CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq 90$ ngày [theo E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.												
<b>E-CDNT 18.1</b>	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.												
<b>E-CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm dự thầu:</li> </ul> <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Phân gói thầu</th> <th>Mô tả</th> <th>Giá trị bảo đảm dự thầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>NHÓM 1</b></td> <td><b>01 Tàu kéo (tối thiểu 10.000 BHP)</b></td> <td><b>763.800.000 VNĐ</b></td> </tr> <tr> <td><b>NHÓM 2</b></td> <td><b>01 Tàu kéo (tối thiểu 5.000 BHP)</b></td> <td><b>176.500.000 VNĐ</b></td> </tr> <tr> <td><b>TỔNG CỘNG</b></td> <td></td> <td><b>940.300.000 VNĐ</b></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu nhà thầu tham gia nhiều hơn một phần thì giá trị bảo đảm dự thầu phải bằng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các phần tương ứng.</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày đóng thầu [theo E-TBMT]</li> <li>- Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1 Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</li> </ul>	Phân gói thầu	Mô tả	Giá trị bảo đảm dự thầu	<b>NHÓM 1</b>	<b>01 Tàu kéo (tối thiểu 10.000 BHP)</b>	<b>763.800.000 VNĐ</b>	<b>NHÓM 2</b>	<b>01 Tàu kéo (tối thiểu 5.000 BHP)</b>	<b>176.500.000 VNĐ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>940.300.000 VNĐ</b>
Phân gói thầu	Mô tả	Giá trị bảo đảm dự thầu											
<b>NHÓM 1</b>	<b>01 Tàu kéo (tối thiểu 10.000 BHP)</b>	<b>763.800.000 VNĐ</b>											
<b>NHÓM 2</b>	<b>01 Tàu kéo (tối thiểu 5.000 BHP)</b>	<b>176.500.000 VNĐ</b>											
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>940.300.000 VNĐ</b>											
<b>E-CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt [ghi cụ thể số ngày nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt].												
<b>E-CDNT 23.4</b>	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [Ghi thời gian tối đa nhà thầu được phép gửi tài liệu bổ sung đến bên mời thầu]												
<b>E-CDNT 27.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: ___ giá dự thầu của nhà thầu [tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Bên mời thầu ghi tỷ lệ % tối đa dành cho nhà thầu]												



	<i>phụ</i> . – Không áp dụng.
<b>E-CNDT 28.1</b>	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
<b>E-CDNT 29.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: theo Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật đính kèm.</li> <li>- Đánh giá về tài chính: <i>áp dụng phương pháp giá thấp nhất [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp giá đánh giá cho phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III].</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 29.3 (đ)</b>	<p>Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất từng NHÓM được xếp hạng thứ nhất của NHÓM đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất thì ghi: “Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;</i></li> <li>- <i>Chọn phương pháp giá đánh giá thì ghi: “Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”].</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 31.1</b>	Thương thảo hợp đồng: Áp dụng
<b>E-CDNT 32.5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất thì ghi: “Nhà thầu có giá dự sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</i></li> <li>- <i>Chọn phương pháp giá đánh giá thì ghi: “Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất”].- Không áp dụng.</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 35.1</b>	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: <u>  10  </u> <i>[ghi tỷ lệ % nhưng không vượt 10%];</i>  Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: <u>  10  </u> <i>[ghi tỷ lệ % nhưng không vượt 10%].</i></p>
<b>E-CDNT 35.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tùy chọn mua thêm: có áp dụng <i>[ghi "có áp dụng" hoặc "không áp dụng"</i> theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. <i>Trường hợp "có áp dụng" thì ghi rõ tỷ lệ của khối lượng mua thêm nhưng không vượt quá 30% của khối lượng hạng mục hàng hóa, dịch vụ tương ứng nêu trong Chương IV];</i></li> <li>- Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 30% <i>[ghi tỷ lệ %].</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 39.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có thẩm quyền:  Ông Vũ Mai Khanh – Tổng Giám đốc Vietsovpetro  105 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, TP. HCM</li> <li>- Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn:  + Địa chỉ: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email của Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn];</i>  + E-mail: _____ <i>[ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 40</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền</i>



	<i>giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].</i>
--	---



## Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

#### 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống, Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ



thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của.....[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam] tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

TT	Mô tả	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm	Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp								
			Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh									
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu (2).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07								
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu								
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(4)(*)</sup>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của <u>03</u> (5) năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu <sup>(6)</sup> là: <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr> <td><b>Tên nhóm</b></td> <td><b>Doanh thu (VND)</b></td> </tr> <tr> <td>NHÓM 1:</td> <td>46.289.100.000 VND</td> </tr> <tr> <td>NHÓM 2:</td> <td>10.692.000.000 VND</td> </tr> <tr> <td><b>TỔNG CỘNG:</b></td> <td><b>56.981.100.000 VND</b></td> </tr> </table> - Tài sản ròng **: Không áp dụng.	<b>Tên nhóm</b>	<b>Doanh thu (VND)</b>	NHÓM 1:	46.289.100.000 VND	NHÓM 2:	10.692.000.000 VND	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>56.981.100.000 VND</b>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
<b>Tên nhóm</b>	<b>Doanh thu (VND)</b>													
NHÓM 1:	46.289.100.000 VND													
NHÓM 2:	10.692.000.000 VND													
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>56.981.100.000 VND</b>													
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành <sup>(7)</sup> tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: <b>Đã thực hiện dịch vụ cho thuê tàu, sà lan<sup>(10)</sup></b> , - Có quy mô (giá trị) tối thiểu:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05								





Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi



mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.



(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc. Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn



còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được



nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).



**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM - ÁP DỤNG**  
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) (VND)	Tính chất hợp đồng tương tự	Quy mô hợp đồng tương tự (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Ghi chú:

(5) Trường hợp không yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung này. Trường hợp có yêu cầu về doanh thu, trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(6), (7) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.



**Bảng Y**

**BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ - KHÔNG ÁP DỤNG**

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND) <sup>(1)</sup>
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

Ghi chú:

(1) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10), (11) Bảng số 01 Chương này.



## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu: **THEO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**

### a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống)<sup>(1)</sup>**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.



**b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)**

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (File scan đính kèm trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật – THEO TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT ĐÍNH KÈM**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.



Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu... và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.
- Các yếu tố cần thiết khác.

### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.



$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$N$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>: - KHÔNG ÁP DỤNG

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

##### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>2</sup>: - ÁP DỤNG

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là: .....(đã bao gồm thuế GTGT...)

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### 4.2. Phương pháp giá đánh giá<sup>3</sup>: - KHÔNG ÁP DỤNG

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là: .....(đã bao gồm thuế GTGT...)

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm.

<sup>2</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá và Khoản 4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

<sup>3</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.1. Phương pháp giá thấp nhất và Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.



giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta G$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- $\Delta G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng, bao gồm :
  - + Chi phí lãi vay (nếu có);
  - + Chất lượng dịch vụ;
  - + Đấu thầu bền vững (nếu có);
  - + Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;
  - + Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

#### **Ghi chú:**

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSĐT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy



hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

## (2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

## **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có) – Không áp dụng**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

## **Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.**

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.



**Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống <i>(Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)</i>	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)</i>	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)</i>			X
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)</i>			X
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	



**PHẠM VI CUNG CẤP**

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

**CHI TIẾT THEO YÊU CẦU KỸ THUẬT (TECHNICAL REQUIREMENT)**

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ <sup>(*)</sup>	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<b>Tug #01</b>					
	Phase 1	Thuê tàu kéo	21	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	Dự kiến 17/05/2026
	Phase 2	Thuê tàu kéo	62	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	Dự kiến 30/09/2026
2	<b>Tug #2</b>					
...	Phase 1	Thuê tàu hỗ trợ	5	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
	Phase 2	Thuê tàu hỗ trợ	4	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
	Phase 3	Thuê tàu hỗ trợ	4	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
	Phase 4	Thuê tàu hỗ trợ	5	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
	Phase 5	Thuê tàu hỗ trợ	6	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
	Phase 6	Thuê tàu hỗ trợ	4	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	



Phase 7	Thuê tàu hỗ trợ	4	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	
Phase 8	Thuê tàu hỗ trợ	4	Ngày	Ngoài khơi Vũng Tàu	

**Ghi chú:**

(1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết Danh mục dịch vụ phù hợp với Danh mục dịch vụ theo Yêu cầu kỹ thuật/ hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục dịch vụ thuộc Yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục số ... của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

**Đại diện nhà thầu**  
(ký tên, đóng dấu)



**ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**  
(trích xuất từ hệ thống)

**NHÀ THẦU SCAN ĐƠN DỰ THẦU THEO HỒ SƠ**

**<sup>(1)</sup> Không áp dụng các quy định dưới đây:**

“Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.”

**MẪU SỐ 02 (a)**

**BẢNG TỔNG HỢP CHÀO KỸ THUẬT**

Tên gói thầu: \_\_ [ghi tên gói thầu]

Tên dự án: \_\_ [ghi tên dự án]

HSMT thầu số: \_\_ [ghi số HSMT]

Nhà thầu **KHÔNG** chào đơn giá/ giá vào bảng chào kỹ thuật này mà chỉ điền “X” vào cột “Đơn giá” và “Thành tiền” những phần mà nhà thầu sẽ chào giá trong HSDXTC, điền “Đã bao gồm” hoặc “Không chào” vào các ô phù hợp với chào giá của nhà thầu trong HSDXTC.

Nhà thầu điền số lượng tiêu thụ dầu DO cho 01 ngày vào "... " (m3/ngày).

Nhà thầu chào đầy đủ tất cả các hạng mục cho các NHÓM (Gói thầu chia làm 02 NHÓM).

STT	Tham chiếu	Các hạng mục công việc	Thành tiền (VND)
<b>I</b>	<b>Giá dự thầu</b>		
I.1	Bảng 1	NHÓM 1: Tàu kéo Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)	x
I.2	Bảng 2	NHÓM 2: Tàu kéo Tug#2 (tối thiểu 5.000 BHP)	x
<b>II</b>	<b>Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí, chưa bao gồm thuế VAT</b>		x
<b>III</b>	<b>Thuế VAT 10%</b>		x



IV	Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí, bao gồm thuế VAT (Kết chuyển sang đơn dự thầu thuộc HSDXTC)	Bảng số	-
		Bảng chữ:	-

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

- (1) Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí và dự phòng (chi phí dự phòng được phân bổ vào giá dự thầu) để nhà thầu thực hiện toàn bộ những công việc cần thiết để hoàn thành công việc theo Yêu cầu kỹ thuật của HSMT.



**BẢNG 1 (Thời gian huy động là dự kiến, phụ thuộc tiến độ thực tế của dự án)**

No.	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức nhiên liệu MGO (M3/ngày)	Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
					Tàu không MGO (VND/ngày)	MGO (VND/ngày)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		
<b>I</b>	<b>TÀU KÉO Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)</b>							
1	Huy động (*)	Lần	2	N/A	x	x		
2	Giải tỏa (**)	Lần	2	N/A	x	x		
3	Làm việc ngoài biên từ ngày 26/04/2026-06/05/2026 (Dự kiến)	ngày	11					
4	Làm việc ngoài biên từ ngày 06/05/2026 đến 16/05/2026 (Dự kiến)	ngày	10					
5	Làm việc ngoài biên từ ngày 31/07/2026-27/08/2026	ngày	28					
6	Làm việc ngoài biên từ ngày 28/08/2026 đến 30/09/2028	ngày	34					
7	Chi phí khác (nhà thầu liệt kê rõ nếu có)	trọn gói	1	N/A				
	<b>Tổng cộng (chưa bao gồm VAT)</b>							
	<b>VAT (10%)</b>							

Bao gồm tất cả các loại thuế (thuế nhập khẩu tạm nhập và tái xuất chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu thuê tàu kéo từ nước ngoài), phí, lệ phí để hoàn thành dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: thiết kế hải trình, cảng vụ, cảng phí, phí hải quan, phí đại lý, phí Pre-suitable survey của đơn vị thứ 3, phí on&off hire, phí hoa tiêu, phí bảo hiểm (P&I, H&M) cho tàu, trang thiết bị an toàn hàng hải, hệ thống chằng buộc, lai kéo (cáp, dây,...), đệm va, cầu dẫn, hệ thống tín hiệu, đèn hành trình và nguồn dự phòng trên tàu, cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phí đổi ca thuyền viên..., dầu nhớt, nước, **Không bao gồm dầu DO (VSP cung cấp)**



	<b>Tổng cộng (đã bao gồm VAT)</b>								

**BẢNG 02: (Thời gian huy động là dự kiến, phụ thuộc tiến độ thực tế của dự án)**

No.	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức nhiên liệu (M3/ngày)	MGO	Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
						Tàu không MGO (VND/ngày)	Tàu không MGO (VND/ngày)		
<b>II</b>	<b>TÀU KÉO Tug #2 (tối thiểu 5.000 BHP)</b>								
<b>1</b>	Huy động (*)	Lần	8	N/A		x		x	Bao gồm tất cả các loại thuế (thuế nhập khẩu tạm nhập và tái xuất chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu thuê sà lan/tàu kéo từ nước ngoài), phí, lệ phí để hoàn thành dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: thiết kế hải trình, cảng vụ, cảng phí, phí hải quan, phí đại lý, phí Pre-suitable survey của đơn vị thứ 3, phí on&off hire, phí hoa tiêu, phí bảo hiểm (P&I, H&M) cho tàu, trang thiết bị an toàn hàng hải, hệ thống chằng buộc, lai kéo (cáp, dây,...), đệm va, cầu dẫn, hệ thống tín hiệu, đèn hành trình và nguồn dự phòng trên sà lan, cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phí đối ca thuyền viên.... đầu nhòm, nước, <b>Không bao gồm dầu DO (VSP cung cấp).</b>
<b>2</b>	Giải toa (**)	Lần	8	N/A		x		x	
<b>3</b>	Làm việc ngoài biển từ ngày 31/07/2026 Đến 04/08/2026	ngày	5			x		x	
<b>4</b>	08/08/2026 Đến 11/08/2026	ngày	4			x		x	
	Làm việc ngoài biển từ ngày 14/08/2026 đến 17/08/2026		4						



Làm việc ngoài biên từ ngày 21/08/2026 đến 25/08/2026		5				
Làm việc ngoài biên từ ngày 31/08/2026 đến 05/09/2026		6				
Làm việc ngoài biên từ ngày 09/09/2026 đến 12/09/2026		4				
Làm việc ngoài biên từ ngày 17/09/2026 đến 20/09/2026		4				
Làm việc ngoài biên từ ngày 25/09/2026 đến 28/09/2026		4				
Chi phí khác	trọn gói	1	N/A			
<b>Tổng cộng (chưa bao gồm VAT)</b>						
<b>VAT (10%)</b>						
<b>Tổng cộng (đã bao gồm VAT)</b>						

**BẢNG CHÀO ĐƠN GIÁ KHÁC**

Stt	Mô tả	Đơn giá standby tại Cảng (VNĐ)	Đơn giá Standby ngoài biển (VNĐ)	Đơn giá làm việc tại cảng
1	Tàu Tug#1			
2	Tàu Tug#2			
3	Đơn giá ăn uống trên tàu			
4	Đơn giá chỗ trở trên tàu			



**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: \_\_\_\_

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_ với số E-TBMT: \_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;



- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_ đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(3)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
		.....		
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
....	.....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.



- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*<sup>(4)</sup>

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*<sup>(4)</sup>

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

**(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.**



## BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết<sup>(4)</sup> không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.



Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



## BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết<sup>(4)</sup> không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-



CDNT thi bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.



**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)*

Ngày: ..... (Ngày ký hồ sơ mời thầu )  
Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu )  
Tên dự án: ..... (Tên dự án )  
Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....  
Kính gửi: \_\_\_\_\_ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện )

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu ] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu ] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [ tên gói thầu ] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [ chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi ]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [ điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu ] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu ]. [điền tên nhà thầu ] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:  
Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro  
Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu  
Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.



**Mẫu số 05 (Scan đính kèm trên Hệ thống)**  
**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III<sup>(2)</sup></b>		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Đại diện nhà thầu**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký tên, đóng dấu)



**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự			Công việc hiện tại								
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký tên, đóng dấu)



**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký tên, đóng dấu)



**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký tên, đóng dấu)



**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III**

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Đại diện nhà thầu**

(Ký tên, đóng dấu)



**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.



Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Đại diện nhà thầu**  
(Ký tên, đóng dấu)



**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

**Đại diện nhà thầu**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**Đại diện nhà thầu**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

**Đại diện nhà thầu**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền

**Đại diện nhà thầu**

(Ký tên, đóng dấu)



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU (THƯƠNG MẠI)**

Tên gói thầu: \_\_ [ghi tên gói thầu]

Tên dự án: \_\_ [ghi tên dự án]

HSMT thầu số: \_\_ [ghi số HSMT]

Nhà thầu điền số lượng tiêu thụ dầu DO cho 01 ngày vào "...." (m3/ngày).

Nhà thầu chào đầy đủ tất cả các hạng mục cho các NHÓM (Gói thầu chia làm 02 NHÓM).

STT	Tham chiếu	Các hạng mục công việc	Thành tiền (VND)
<b>I</b>	<b>Giá dự thầu</b>		
I.1	Bảng 1	NHÓM 1: Tàu kéo Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)	
I.2	Bảng 2	NHÓM 2: Tàu kéo Tug#2 (tối thiểu 5.000 BHP)	
<b>II</b>	<b>Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí, chưa bao gồm thuế VAT</b>		
<b>III</b>	<b>Thuế VAT 10%</b>		
<b>IV</b>	<b>Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí, bao gồm thuế VAT (Kết chuyển sang đơn dự thầu thuộc HSDXTC)</b>	<b>Bảng số</b>	-
		<b>Bảng chữ:</b>	-

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

- (1) Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí, thuế, phí, lệ phí và dự phòng (chi phí dự phòng được phân bổ vào giá dự thầu) để nhà thầu thực hiện toàn bộ những công việc cần thiết để hoàn thành công việc theo Yêu cầu kỹ thuật của HSMT.



**BẢNG 1 (Thời gian huy động là dự kiến, phụ thuộc tiến độ thực tế của dự án)**

No.	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức nhiên liệu (M3/ngày)	Mức MGO	Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
						Tàu không (VND/ngày)	MGO (VND/ngày)		
(1)		(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	
<b>I</b>	<b>TÀU KÉO Tug#1 (tối thiểu 10.000 BHP)</b>								
1	Huy động (*)	Lần	2	N/A					
2	Giải tỏa (**)	Lần	2	N/A					
3	Làm việc ngoài biển từ ngày 26/04/2026-06/05/2026 (Dự kiến)	ngày	11						
4	Làm việc ngoài biển từ ngày 06/05/2026 đến 16/05/2026 (Dự kiến)	ngày	10						
5	Làm việc ngoài biển từ ngày 31/07/2026-27/08/2026	ngày	28						
6	Làm việc ngoài biển từ ngày 28/08/2026 đến 30/09/2028	ngày	34						
7	Chi phí khác (nhà thầu liệt kê rõ nếu có)	trọn gói	1	N/A					
<b>Tổng cộng (chưa bao gồm VAT)</b>									
<b>VAT (10%)</b>									

Bao gồm tất cả các loại thuế (thuế nhập khẩu tạm nhập và tái xuất chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu thuê tàu kéo từ nước ngoài), phí, lệ phí để hoàn thành dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: thiết kế hải trình, căng vù, căng phích, phí hải quan, phí đại lý, phí Pre-suitable survey của đơn vị thứ 3, phí on&off hire, phí hoa tiêu, phí bảo hiểm (P&I, H&M) cho tàu, trang thiết bị an toàn hàng hải, hệ thống chằng buộc, lai kéo (cáp, dây,...), đệm va, cầu dẫn, hệ thống tín hiệu, đèn hành trình và nguồn dự phòng trên tàu, cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phí đổi ca thuyền viên..., dầu nhớt, nước, **Không bao gồm dầu DO (VSP cung cấp)**



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**BẢNG 02: (Thời gian huy động là dự kiến, phụ thuộc tiến độ thực tế của dự án)**

No.	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức nhiên liệu (M3/ngày)	Mức nhiên MGO	Đơn giá		Thành tiền		Ghi chú
						Tàu không MGO (VND/ngày)	MGO	Tàu không MGO (VND/ngày)	MGO	
<b>II</b>	<b>TÀU KÉO Tug #2 (tối thiểu 5.000 BHP)</b>									
1	Huy động (*)	Lần	8	N/A						Bao gồm tất cả các loại thuế (thuế nhập khẩu tạm nhập và tái xuất chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu thuê sà lan/tàu kéo từ nước ngoài), phí, lệ phí để hoàn thành dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: thiết kế hải trình, cảng vụ, cảng phí, phí hải quan, phí đại lý, phí Pre-suitable survey của đơn vị thứ 3, phí on&offhire, phí hoa tiêu, phí bảo hiểm (P&I, H&M) cho tàu, trang thiết bị an toàn hàng hải, hệ thống chằng buộc, lai kéo (cáp, dây,...), đệm va, cầu dẫn, hệ thống tín hiệu, đèn hành trình và nguồn dự phòng trên sà lan, cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phí đội ca thuyền viên.... đầu nhòm, nước, <b>Không bao gồm dầu DO (VSP cung cấp).</b>
2	Giải toà (**)	Lần	8	N/A						
3	Làm việc ngoài biển từ ngày 31/07/2026 Đến 04/08/2026	ngày								
4	Làm việc ngoài biển từ ngày 08/08/2026 Đến 11/08/2026	ngày								
	Làm việc ngoài biển từ ngày 14/08/2026 đến 17/08/2026									



	Làm việc ngoài biển từ ngày 21/08/2026 đến 25/08/2026							
	Làm việc ngoài biển từ ngày 31/08/2026 đến 05/09/2026							
	Làm việc ngoài biển từ ngày 09/09/2026 đến 12/09/2026							
	Làm việc ngoài biển từ ngày 17/09/2026 đến 20/09/2026							
	Làm việc ngoài biển từ ngày 25/09/2026 đến 28/09/2026							
	Chi phí khác	trọn gói	1	N/A				
	<b>Tổng cộng (chưa bao gồm VAT)</b>							
	<b>VAT (10%)</b>							
	<b>Tổng cộng (đã bao gồm VAT)</b>							

**BẢNG CHÀO ĐƠN GIÁ KHÁC**

Stt	Mô tả	Đơn giá standby tại Cảng (VND)	Đơn giá Standby ngoài biển (VND)	Đơn giá làm việc tại cảng
1	Tàu Tug#1			
2	Tàu Tug#2			
3	Đơn giá ăn uống trên tàu			
4	Đơn giá chỗ trở trên tàu			



**Ghi chú:**

(1)	Thời gian thuê tàu kéo ở trên chi là tạm tính, thời gian thuê thực tế tính theo số ngày Vietsovpetro thực tế sử dụng căn cứ vào biên bản on-hire và off-hire, thời gian thuê tính theo tỉ lệ (prorata), 1 ngày tính là 24 giờ, làm tròn 3 số thập phân.
(2)	Nhà thầu chào đầy đủ khối lượng tiêu thụ nhiên liệu Dầu DO.
(3)	Đơn giá tàu không nhiên liệu MGO nhưng đã bao gồm dầu nhớt, nước do Nhà thầu cấp cho hoạt động của tàu trong suốt quá trình thuê từ lúc On-hire đến lúc Off-hire
(4), (5)	Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuốc, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuốc, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
(*)	Huy động: được hiểu là Sà lan/Tàu kéo đã có tại vị trí / Cảng yêu cầu huy động theo yêu cầu của bên thuê và sau khi hoàn tất việc kiểm tra Onhire, tất cả các thiết bị dụng cụ sẵn sàng hoạt động tốt để nhận hàng hóa. Địa điểm huy động sà lan và tàu kéo : Cảng Vietsovpetro.
(**)	Giải tỏa: được hiểu là Tàu kéo trở về vị trí/ Cảng giải tỏa sau khi hoàn tất công việc. Địa điểm giải tỏa tàu kéo : Cảng Vietsovpetro.
(***)	Thời gian Standby sẽ được tính khi: + Tàu đã được huy động đến địa điểm yêu cầu nhưng phải chờ lệnh hoạt động từ bên thuê tàu. + Tàu không thể thực hiện công việc do thời tiết xấu, không đảm bảo an toàn hàng hải, cụ thể là điều kiện thời tiết không cho phép thi công (chiều cao sóng >2.5m, tốc độ gió > 18m/sec). Nếu các Bên không thống nhất được thì dựa vào dự báo thời tiết của Cơ quan dự báo thời tiết Furgo. + Tàu chờ tại cảng do việc xếp dỡ hàng hóa hoặc các công tác khác từ phía bên thuê tàu kéo dài hơn dự kiến. + Tàu sẵn sàng rời cảng nhưng chưa nhận được sự cho phép hoặc hướng dẫn từ bên thuê tàu hoặc cơ quan quản lý cảng.



**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

- **TECHNICAL REQUIREMENT**
- **TECHNICAL EVALUATION**

*(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)*



### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Mẫu số 12. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.**

**Mẫu số 13. Biểu mẫu hợp đồng.**



**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**



**Biểu mẫu hợp đồng  
(Theo mẫu Hợp đồng đính kèm)**



## **PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC**

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

- **TECHNICAL REQUIREMENT**
- **TECHNICAL EVALUATION**



<p>1. Địa điểm và ngày ký hợp đồng</p> <p>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .. tháng ... năm 202...</p>	<p><b>HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU DỊCH VỤ NGOÀI KHƠI</b>  <b>THEO MẪU: "SUPPLYTIME 89"</b>  <b>PHẦN I</b></p> <p>Số: .....  V/v: ..... - Dự án: .....</p>	
<p>2. Bên Cho thuê tàu/Trụ sở làm việc (tên giao dịch, địa chỉ; số điện thoại, số fax) (Điều 1(a))</p> <p><b>CÔNG TY .....</b>  Địa chỉ: .....  Điện thoại: .....  Fax: .....  Đại diện: Ông ..... – Chức vụ: Giám đốc.</p>	<p>3. Bên Thuê tàu/ Trụ sở làm việc (tên giao dịch, địa chỉ; số điện thoại, số fax) (Điều 1(a))</p> <p><b>LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO</b>  Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  Điện thoại: +84-254-3839871  Fax: +84-254-3839857  Đại diện: Ông ..... – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc  (Theo Ủy quyền số ...../UQ-PL, ký ngày ..... của Tổng Giám đốc Vietsovpetro)</p>	
<p>4. Tên Tàu (Điều 1(a))</p> <p>✓ ...</p>	<p>5. Ngày giao tàu (Điều 2(a))</p> <p>Dự kiến: theo YCKT đính kèm HSMT</p>	<p>6. Ngày hủy hợp đồng (Điều 2(a) và (c))</p> <p>03 ngày lịch kể từ ngày dự kiến hủy động.</p>
<p>7. Cảng hoặc nơi giao tàu (Điều 2(a))</p> <p>(i) Cảng hoặc nơi giao tàu:</p> <p>Cảng Vietsovpetro, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>(ii) Số ngày/ thời gian thông báo trước khi giao tàu:</p> <p>Dự kiến 3 ngày lịch</p>	<p>8. Cảng hoặc nơi trả tàu/thông báo trước khi trả tàu (Điều 2(d))</p> <p>(i) Cảng hoặc nơi trả tàu:</p> <p>Cảng Vietsovpetro, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>(ii) Số ngày/ thời gian thông báo trước khi trả tàu:</p> <p>Dự kiến 1 ngày lịch</p>	
<p>9. Thời hạn thuê tàu (Điều 1(a))</p> <p>Từ khi hủy động cho đến khi hoàn thành toàn bộ công việc: Dự kiến tổng cộng thời gian thuê tàu kéo là ... ngày. Thời gian thực tế thuê tính từ lúc on-hire đến lúc off-hire.</p>	<p>10. Kéo dài thời hạn thuê tàu (dự kiến) (Điều 1(b))</p> <p>(i) Thời hạn kéo dài:</p> <p>Theo sự thoả thuận của hai bên</p> <p>(ii) Số ngày thông báo trước khi kéo dài:</p> <p>03 ngày lịch</p>	
<p>11. Thời hạn tự động kéo dài hợp đồng để hoàn tất chuyến đi biển hoặc hoàn tất giếng khoan (Điều 1(c))</p> <p>(i) Thời gian chuyến đi biển hoặc thời gian hoàn tất giếng khoan (ghi rõ)</p> <p><b>Chuyến đi biển</b></p> <p>(ii) Thời hạn kéo dài tối đa (ghi số ngày)</p> <p>Theo sự thoả thuận của hai bên</p>	<p>12. Phí hủy động (trọn gói và thời điểm thanh toán) (Điều 2(b)(i))</p> <p>(i) Số tiền trọn gói:</p> <p><b>Đã bao gồm trong giá thuê tàu trọn gói điều 10.(b)</b></p> <p>(ii) Thời điểm thanh toán:</p> <p>Theo điều 10.(c)</p>	
	<p>13. Cảng hoặc nơi hủy động (Điều 2(b)(i))</p> <p>Không áp dụng</p>	
<p>14. Chấm dứt hợp đồng thuê tàu trước thời hạn (ghi số tiền thuê phải trả) (Điều 26(a))</p> <p>Bên thuê tàu sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu tiền thuê tàu thực tế chưa được thanh toán đến tại thời điểm chấm dứt hợp đồng.</p>	<p>15. Số ngày thông báo trước khi chấm dứt hợp đồng thuê tàu (Điều 26(a))</p> <p>04 ngày lịch</p>	<p>16. Phí trả tàu (trọn gói) (Điều 2(c) và Điều 26(a))</p> <p>Đã bao gồm trong giá thuê tàu trọn gói điều 10.(b)</p>



<p>17. Vùng hoạt động (Điều 5(a))</p> <p>Cảng Vietsovpetro - Thành phố Hồ Chí Minh, vùng biển ngoài khơi Việt Nam.</p>	<p>18. Thuê tàu bị hạn chế (ghi rõ bản chất của dịch vụ) (Điều 5(a))</p> <p>Tàu được thuê để phục vụ vận chuyển .....Dự án ..... và luôn trong phạm vi khả năng vốn có của bản thân con tàu.</p>	
<p>19. Giá thuê tàu (ghi rõ giá thuê và đồng tiền thuê) (Điều 10(a) và (d))</p> <p>Xem chi tiết tại bảng trong mục 10(b).</p>	<p>20. Kéo dài thời hạn thuê (nếu thỏa thuận thì phải ghi rõ giá thuê) (Điều 10(d))</p> <p>Theo thỏa thuận.</p>	
<p>21. Gửi hóa đơn đòi tiền thuê và các khoản tiền khác (Điều 10(d))</p> <p>(i) Ghi rõ hóa đơn đòi tiền trước hay đòi tiền sau:</p> <p>Thanh toán sau</p>	<p>22. Thanh toán (ghi rõ phương thức thanh toán và địa điểm thanh toán (ghi rõ người hưởng lợi và tài khoản ngân hàng) (Điều 10(e))</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản Địa điểm và tài khoản ngân hàng: Theo hóa đơn của Bên cho thuê tàu. Người thụ hưởng: <b>CÔNG TY ....</b> Số tài khoản: ....Tại Ngân hàng .....</p>	
<p>(ii) Ghi rõ địa chỉ gửi hóa đơn khác với Ô số 2</p> <p>Không áp dụng</p>		
<p>(ii) Ghi rõ địa chỉ gửi hóa đơn khác với Ô số 3</p> <p>Không áp dụng</p>		
<p>23. Thanh toán tiền thuê tàu, hóa đơn nhiên liệu và các khoản tiền khác (ghi rõ số ngày tối đa) (Điều 10(c)):</p> <p>Trong vòng <b>45</b> ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn và đầy đủ bộ chứng từ thanh toán.</p>	<p>24. Lãi suất phải trả (Điều 10(c))</p> <p>Không áp dụng</p>	<p>25. Thời hạn kiểm toán tối đa (Điều 10(g))</p> <p>01 năm</p>
<p>26. Tiền ăn (ghi rõ số tiền đã thỏa thuận) (Điều 5(c)(i))</p> <p>.... VND/người/bữa (tối đa 4 bữa trong một ngày) Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.</p>	<p>27. Tiền ỡ (ghi rõ số tiền đã thỏa thuận) (Điều 5(c)(i))</p> <p>.... VND/giường/ngày /người Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.</p>	<p>28. Từ bỏ thế quyền (ghi rõ áp dụng hay không áp dụng) (Điều 12(f))</p> <p>Không áp dụng</p>
<p>29. Cho thuê lại (ghi rõ tiền lãi theo ngày khi cho thuê lại tàu) (Điều 17(b))</p> <p>Không áp dụng</p>	<p>30. Chiến tranh (ghi rõ tên quốc gia) (Điều 19(e))</p> <p>Việt Nam</p>	
<p>31. Tồn thất chung (nơi giải quyết - Chỉ ghi nơi giải quyết nếu không phải là Lôn Đôn) (Điều 21)</p> <p>Tồn thất chung được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tiền thuê tàu không phải đóng góp vào chi phí tồn thất chung.</p>	<p>32. Hông hóc (ghi rõ thời hạn) (Điều 26(b)(v))</p> <p>Hai mươi bốn (24) giờ</p>	
<p>33. Luật áp dụng và trọng tài (ghi Điều 31(a) hoặc 31(c), như thỏa thuận nếu thỏa thuận Điều 31(c) thì cũng phải ghi nơi trọng tài giải quyết (Điều 31)</p> <p>Hợp đồng thuê tàu này được điều chỉnh và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam, mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này mà không được hai bên giải quyết thông qua thương lượng sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng Trọng tài của Trung tâm này.</p>	<p>34. Số điều khoản bổ sung cho các quy định đặc biệt nếu thỏa thuận</p> <p>Không áp dụng</p>	



<p>35. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Bên Cho thuê tàu để thông báo và giao dịch (Điều 28)</p> <p><b>CÔNG TY ...</b>          Địa chỉ: ...          Điện thoại: ...          Fax: ...          Người nhận: Ông ... – Chức vụ: Giám đốc</p>	<p>36. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Bên Thuê tàu để thông báo và giao dịch (Điều 28)</p> <p><b>LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO</b>          Địa chỉ: ...          Điện thoại: 84-254-3839871 Fax: 84-254-3839857          Người nhận: <b>Ông ....</b> - Chức vụ: P.Tổng Giám đốc          (Theo Ủy quyền số .../UQ-PL, ký ngày .... của Tổng Giám đốc Vietsovpetro)</p>
<p>Hai bên thống nhất thỏa thuận thực hiện Hợp đồng này theo đúng những điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp đồng thuê tàu này bao gồm Phần I, kể cả những điều khoản bổ sung nếu có thỏa thuận và Phần II, cũng như Phụ lục A, Phụ lục B và Phụ lục C, Phụ lục D, Phụ lục E của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này thì các điều kiện, điều khoản trong Phần I sẽ được ưu tiên áp dụng trước so với các điều kiện, điều khoản ở Phần II, Phụ lục A, Phụ lục B trong phạm vi giới hạn của những mâu thuẫn đó. Phụ lục C của Hợp đồng này sẽ chỉ được áp dụng nếu có sự thỏa thuận và được ghi trong Ô số 28.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Ký tên - Bên Cho thuê tàu</b> (Tên công ty)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Ký tên - Bên Thuê tàu</b> (Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro)</p>



**Phần II**  
**HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU DỊCH VỤ NGOÀI KHỞI**  
**(THEO MẪU SUPPLYTIME 89)**

**1. THỜI HẠN THUÊ TÀU**

- (a) Bên cho thuê tàu (tên địa chỉ ghi ở ô 2) đồng ý cho thuê và Bên thuê tàu (tên, địa chỉ ghi ở ô 3) đồng ý thuê tàu kéo ghi ở ô 4 với tính năng kỹ thuật được mô tả trong Phụ lục A đính kèm (sau đây gọi là “tàu”) trong khoảng thời gian ghi trong ô 9 kể từ thời điểm tàu được giao cho Bên thuê tàu.
- (b) Với điều kiện thỏa mãn Điều khoản 10(b), Bên thuê tàu có quyền gia hạn thời hạn thuê thêm một thời gian ghi trong ô 10(i). Tuy nhiên việc gia hạn đó phải được Bên thuê tàu thông báo trước bằng văn bản cho Bên cho thuê tàu với số ngày ghi trong ô 10(ii).
- (c) Nếu hợp đồng thuê tàu này kết thúc vào thời điểm mà con tàu đang thực hiện chuyến đi biển hay thi công giếng khoan (hoặc bất kỳ một công việc gì ghi trong ô 11(i)) còn đang thực hiện dở dang theo sự điều động của Bên thuê tàu thì thời gian thuê mặc nhiên được kéo dài thêm một khoảng thời gian cần thiết để hoàn tất các công việc đó. Tuy nhiên thời gian kéo dài đó không được vượt quá số ngày ghi ở trong ô 11(ii).

**2. VIỆC GIAO VÀ TRẢ TÀU**

- (a) *Giao tàu:* Căn cứ vào Điều 2(b) dưới đây, Bên cho thuê tàu sẽ giao tàu cho Bên thuê tàu trong tình trạng sàn tàu không có hàng, các bồn chứa đều sạch tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian từ ngày ghi trong ô 5 đến ngày ghi trong ô 6, tại cảng hoặc địa điểm ghi trong ô 7, nơi có mực nước đầy đủ để tàu không bị mắc cạn.
- (b) *Hủy động tàu:*
- (i) Khi Bên cho thuê tàu giao tàu cho Bên thuê tàu tại cảng hoặc địa điểm ghi trong ô 7, Bên thuê tàu sẽ phải thanh toán cho Bên cho thuê tàu một khoản tiền trọn gói hủy động phí ghi trong ô 12. Số tiền hủy động phí này sẽ không thay đổi trong trường hợp thay đổi cảng hoặc địa điểm hủy động được ghi trong ô 13.
- (ii) Nếu Bên cho thuê tàu đồng ý để cho tàu bốc hàng và chuyên chở hay thực hiện bất kỳ một dịch vụ nào theo yêu cầu của Bên thuê tàu trên đường hành trình đến cảng giao tàu hoặc từ cảng trả tàu, thì tất cả các điều kiện, điều khoản của hợp đồng thuê tàu này sẽ được áp dụng cho việc bốc xếp, chuyên chở hàng hay thực hiện các dịch vụ nói trên như đang thực hiện công việc trong thời gian thuê tàu, ngoại trừ khoản cước phí chuyên chở trọn gói đã thỏa thuận sẽ được thanh toán khi xếp hàng hoặc khi bắt đầu thực hiện dịch vụ tùy trường hợp cụ thể, tàu và/hoặc hàng hóa có bị tổn thất hay không.
- (c) *Hủy hợp đồng:* Nếu tàu không được giao trước 12<sup>h</sup>00 đêm giờ địa phương “ngày hủy bỏ” ghi trong ô 6, Bên thuê tàu có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê tàu này. Tuy nhiên nếu đã cố gắng hết sức mình Bên cho thuê tàu vẫn không thể giao tàu trước “ngày hủy bỏ” nói trên thì tại bất kỳ thời điểm nào trước ngày giao tàu ghi trong ô 5, Bên cho thuê tàu có thể gửi văn bản cho Bên thuê tàu nêu rõ đến ngày nào Bên cho thuê tàu có thể giao tàu cho Bên thuê tàu (gọi tắt là “ngày có thể giao”). Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được thông báo nói trên của Bên cho thuê tàu thì Bên thuê tàu có thể gửi văn bản cho Bên cho thuê tàu thông báo hủy hợp đồng thuê tàu này. Nếu Bên thuê tàu không gửi văn bản như vậy thì “ngày có thể giao” ghi trong văn bản nói trên sẽ là “ngày hủy bỏ” trong mọi điều khoản của hợp đồng này. Trong trường hợp hủy hợp đồng do bên cho thuê tàu không cung cấp được tàu, bên thuê tàu có quyền yêu cầu ngân hàng phong tỏa và rút số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng do bên cho thuê tàu không giao được tàu như cam kết.
- (d) *Trả tàu:* Khi thời hạn thuê tàu kết thúc hoặc khi chấm dứt thuê tàu trước thời hạn theo quy định của hợp đồng này, Bên thuê tàu sẽ trả lại tàu cho Bên cho thuê tàu trong tình trạng không còn hàng, các bồn chứa sạch, tại cảng hoặc địa điểm ghi trong ô 8(i) hoặc bất kỳ một



cảng hay địa điểm nào khác theo sự thoả thuận giữa hai bên. Bên thuê tàu phải thông báo trước bằng văn bản về dự định trả tàu không muộn hơn số ngày ghi trong ô 8(ii) trước khi trả tàu.

- (e) *Huy động trả tàu*: Khi hợp đồng thuê tàu chấm dứt, Bên thuê tàu sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu khoản tiền trọn gói phí huy động trả tàu ghi trong ô 16.

### 3. TÌNH TRẠNG CỦA TÀU

- (a) Bên cho thuê tàu cam kết sẽ bàn giao tàu cho Bên thuê tàu trong tình trạng kỹ thuật và đăng kiểm như được nêu trong Phụ lục A kèm theo, đồng thời Bên cho thuê tàu cũng cam kết duy trì con tàu ở trong tình trạng kỹ thuật như vậy trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng này.
- (b) Trước và tại thời điểm giao tàu cũng như trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng này, Bên cho thuê tàu phải thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đảm bảo con tàu không bị thấm, rò rỉ nước và luôn trong tình trạng hoạt động tốt, thực hiện có hiệu quả các dịch vụ đã nêu ở Điều khoản 5 của hợp đồng này.

### 4. VIỆC GIÁM ĐỊNH

Bên thuê tàu và Bên cho thuê tàu sẽ cùng chỉ định một giám định viên độc lập để xác định bằng văn bản tình trạng kỹ thuật của con tàu, các thiết bị kéo, thả neo khác được nêu tại mục 5 của Phụ lục A cũng như số lượng, chất lượng nhiên liệu, dầu nhớt và nước tại thời điểm giao tàu và trả tàu theo hợp đồng này. Chi phí và thời gian cho việc giám định sẽ do Bên cho thuê tàu thanh toán.

### 5. SỬ DỤNG TÀU VÀ KHU VỰC HOẠT ĐỘNG

- (a) Tàu sẽ được thuê để thực hiện các công việc hợp pháp ngoài khơi phù hợp với luật pháp của nước mà tàu mang quốc tịch và/hoặc nước đăng ký và/hoặc nước sở tại nơi tàu hoạt động. Các hoạt động như vậy chỉ giới hạn trong phạm vi các dịch vụ ghi trong ô 18, trong phạm vi và các tuyến hành trình giữa các cảng hoặc địa điểm an toàn và các công trình biển nơi tàu có thể neo đậu an toàn trong vùng hoạt động nêu trong ô 17, không vượt quá Các giới hạn đảm bảo của Hiệp hội (Institute Warranty Limits). Tàu chỉ được sử dụng quá các giới hạn này khi có thỏa thuận trước và tiền thuê tàu được điều chỉnh phù hợp với các điều khoản thích hợp được hai bên thỏa thuận. Luôn luôn với điều kiện là Bên thuê tàu không đảm bảo sự an toàn của bất kỳ cảng, địa điểm hoặc công trình biển nào như vậy, nhưng sẽ cần mẫn hết sức trong việc đưa ra các lệnh cho tàu như đối với tàu của mình và luôn chú ý tới khả năng và tính chất sử dụng của tàu.
- (b) Bên thuê tàu sẽ xin các giấy phép cần thiết do các cơ quan hữu trách cấp để cho tàu có thể ra vào, hoạt động trong “Khu vực làm việc”. Nếu cần thiết và bằng mọi cách có thể, Bên cho thuê tàu sẽ giúp đỡ Bên thuê tàu để xin được các giấy phép đó.
- (c) *Khoảng không gian của tàu*: Ngoại trừ khoảng không gian cần thiết, đủ cho Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên, đồ dùng, thiết bị, thực phẩm và các đồ dự trữ khác, trong suốt thời gian thuê tàu toàn bộ boong tàu, sàn, những nơi sử dụng để chứa hàng sẽ thuộc quyền sử dụng của Bên thuê tàu để thực hiện các mục đích của mình phù hợp với các công việc sau:
- (i) Chuyên chở khách ngoài số thuyền viên trên tàu bằng việc sử dụng chỗ ở có sẵn ở trên tàu ngoài số dành cho thuyền viên của tàu. Bên cho thuê tàu sẽ cung cấp thực phẩm và đồ dùng thiết yếu, buồng ở cho khách của Bên thuê tàu (miễn phí với số lượng 02 người).
- (ii) Những hàng hoá hợp pháp dù chuyên chở trên sàn hay dưới sàn tàu.
- (iii) Chất nổ và các hàng hoá nguy hiểm cho dù dưới dạng rời hay bao gói với điều kiện là Bên thuê tàu phải báo trước cho Bên cho thuê tàu biết và những hàng hoá đó phải được bốc xếp và ký mã hiệu phù hợp với quy định của nước mà con tàu mang quốc tịch hoặc các quy định hàng hải quốc tế về việc chuyên chở hàng nguy hiểm và/hoặc những quy định liên quan khác.



Nếu không thông báo trước, ký mã hiệu hay đóng gói phù hợp như trên, thì Bên thuê tàu phải bồi thường cho Bên cho thuê tàu về các tổn thất, thiệt hại hoặc các trách nhiệm dân sự khác phát sinh từ các hàng hoá nguy hiểm nói trên. Bên thuê tàu có trách nhiệm thanh toán các phụ phí (bao gồm cả chi phí khắc phục) mà Bên cho thuê tàu phải chịu có liên quan đến việc vận chuyển chất nổ và hàng nguy hiểm nói trên.

- (iv) Các chất nguy hiểm và độc hại, thì cũng căn cứ vào điều 12(g) dưới đây phải thông báo trước và phải phù hợp với các quy định hiện hành.
- (d) *Tạm ngừng hoạt động của tàu*: Bên thuê tàu có thể ngừng khai thác và cho tàu neo đậu tại một cảng hay một nơi an toàn trong suốt hay một phần thời gian thuê tàu. Trong thời gian đó tiền thuê tàu vẫn được thanh toán nhưng nếu thời gian ngừng hoạt động vượt quá ba mươi (30) ngày liên tục thì Bên thuê tàu sẽ khấu trừ trong tiền thuê tàu một khoản tiền mà Bên cho thuê tàu tiết kiệm được một cách hợp lý do giảm được các chi phí do tàu neo đậu tại cảng.

## 6. THUYỀN TRƯỞNG VÀ THUYỀN VIÊN

- (a) (i) Trong suốt quá trình thuê tàu, thuyền trưởng của tàu và các thuyền viên của tàu phải thực hiện một cách kịp thời và đầy đủ các nhiệm vụ được giao và tàu phải thực hiện mọi công việc trong phạm vi khả năng của mình theo yêu cầu của Bên thuê tàu vào kể cả lúc ban ngày hay ban đêm. Bên thuê tàu không có trách nhiệm phải trả cho thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên về tiền làm việc ngoài giờ trong thời gian làm thêm đó. Bên thuê tàu đảm bảo cung cấp cho thuyền trưởng tất cả các chỉ thị và chỉ dẫn cần thiết và thuyền trưởng, máy trưởng phải có trách nhiệm ghi nhật ký hàng hải đầy đủ, chính xác, dễ dàng cho việc kiểm tra của Bên thuê tàu hay Đại lý của họ.
- (ii) Thuyền trưởng phải ký vào các chứng từ hàng hoá lập theo mẫu ngoại trừ vận đơn đường biển, nhưng có thể là các giấy biên nhận là các chứng từ không chuyển nhượng được và phải được ký hiệu rõ ràng là “không chuyển nhượng”. Bên thuê tàu phải đảm bảo cho Bên cho thuê tàu được miễn trách đối với tất cả các hậu quả và trách nhiệm pháp lý phát sinh từ việc Thuyền trưởng, sỹ quan hay đại lý của tàu ký theo sự chỉ đạo của Bên thuê tàu, những chứng từ hàng hoá hay các văn bản khác trái với hợp đồng thuê tàu này hoặc do sự bất cập của các giấy tờ do Bên thuê tàu hoặc đại lý của Bên thuê tàu cung cấp.
- (b) Nếu được Bên thuê tàu yêu cầu, thuyền viên trên tàu sẽ tháo và lắp đặt các đường cáp điện, đường ống dẫn nhiên liệu, nước, ống chuyển tải bằng khí nén trên tàu khi tàu neo đậu tại cảng hay cập mạn các công trình ngoài khơi; Thuyền viên trên tàu phải vận hành các máy móc để bốc và dỡ hàng hoá; móc cáp và tháo cáp buộc hàng trên tàu khi tàu đang bốc xếp hàng hoá với các công trình ngoài khơi khác. Nếu vì quy định của cảng hay các quy định của nghiệp đoàn lao động không cho phép thuyền viên thực hiện các công việc như vậy, thì Bên thuê tàu sẽ bằng các chi phí của mình phải tự thu xếp các công việc cần thiết và luôn tuân theo sự chỉ dẫn của Thuyền trưởng.
- (c) Nếu vì một lý do gì đó Bên thuê tàu không hài lòng về hành vi đạo đức của Thuyền trưởng hay sỹ quan hay một thành viên nào đó của thủy thủ đoàn, thì sau khi nhận được chi tiết lời than phiền, Bên cho thuê tàu phải tiến hành điều tra ngay sự việc. Nếu lời than phiền đó là đúng sự thật thì Bên cho thuê tàu phải thay thế người đó.
- (d) Toàn bộ quá trình vận hành, lái tàu và quản lý con tàu thuộc sự quản lý và điều khiển duy nhất của Bên cho thuê tàu, Thuyền trưởng, các sỹ quan và thuyền viên. Tàu sẽ được hoạt động và các dịch vụ nêu trên chỉ được thực hiện theo yêu cầu của Bên thuê tàu nhưng cũng luôn tuân theo quyền đặc biệt của Bên cho thuê tàu hay của Thuyền trưởng trong việc quyết định xem các hoạt động của con tàu có đảm bảo tính an toàn hay không. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê tàu này, Bên cho thuê tàu sẽ là một nhà thầu độc lập, Bên thuê tàu sẽ chỉ quan tâm đến kết quả của các dịch vụ được thực hiện theo hợp đồng này.

## 7. NGHĨA VỤ BÊN CHO THUÊ TÀU



(a) Bên cho thuê tàu sẽ cung cấp và thanh toán mọi chi phí về tất cả nhiên liệu, dầu nhớt, nước, lương thực, thực phẩm, lương và các chi phí khác cho Thuyền trưởng, sỹ quan và các thuyền viên; việc bảo dưỡng, sửa chữa thân tàu, máy tàu và các thiết bị nêu trong Phụ lục A. Bên cho thuê tàu sẽ thanh toán tất cả các khoản bảo hiểm của tàu, tất cả các lệ phí có liên quan trực tiếp tới việc đăng ký quốc tịch của tàu, tất cả các hàng hoá dự trữ trên boong, buồng lái và khoang máy của tàu, tất cả các dây chằng buộc cần thiết cho tàu neo đậu tại cảng, tất cả các chi phí làm vệ sinh và giấy tờ phòng dịch. Nghĩa vụ của Bên cho thuê tàu theo điều này sẽ bao gồm cả trách nhiệm phải thanh toán các chi phí lãnh sự cho Thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên trên tàu; lệ phí hải quan và thuế nhập khẩu đối với đồ dùng cá nhân của Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên và thực phẩm, các đồ dự trữ và tất cả những thứ khác mà Bên cho thuê tàu chịu trách nhiệm cung cấp và/hoặc thanh toán theo như quy định trên. Bên cho thuê tàu sẽ phải trả lại cho Bên thuê tàu những khoản tiền mà Bên thuê tàu hay đại lý của họ thanh toán hộ những chi phí kể trên.

Bên thuê tàu sẽ tạo điều kiện để tàu về bờ tiếp nhiên liệu, nhớt, nước ngọt, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác mỗi khi tàu có yêu cầu.

(b) Khi bàn giao tàu, Bên cho thuê tàu phải trang bị bằng chi phí của mình tất cả các thiết bị kéo thả neo, tời kéo ghi trong mục 5 Phụ lục A kèm theo hợp đồng này. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng này, bất kỳ một thiết bị nào kể trên bị hư hỏng, mất mát hoặc không thể hoạt động được ngoại trừ do sự cố của Bên cho thuê tàu cung cấp trực tiếp bằng chi phí của Bên thuê tàu.

(c) Bên cho thuê tàu sẽ thanh toán tất cả các chi phí hải quan, lệ phí xin giấy phép, thuế nhập khẩu (bao gồm cả những chi phí có liên quan tới việc ký quỹ tạm nhập hay nhập khẩu) chi phí liên kiểm cho con tàu và/hoặc các thiết bị cần thiết cho việc thực hiện hay phát sinh từ hợp đồng thuê tàu này.

(d) Trong thời gian thuê tàu, Bên cho thuê tàu sẽ cung cấp cho tàu hoá chất chống dầu loang, bọt cứu hoả, cảng phí, phí hoa tiêu (cho dù bắt buộc hay không bắt buộc), phí kéo tàu (ngoại trừ khi thực hiện công việc riêng của Bên cho thuê tàu), phí đèn luồng, phí lai dắt, phí luồng lạch, phí cầu bến, phí trọng tải và các loại lệ phí khác, phí đại lý, hoa hồng do thực hiện công việc của Bên thuê tàu; chi phí bảo vệ tàu, phí kiểm dịch (nếu xảy ra với hàng hoá được chuyên chở trên tàu hay được yêu cầu tại cảng mà tàu vào neo đậu trong thời gian thực hiện hợp đồng này).

(e) Bên cho thuê tàu cung cấp đầy đủ các dụng cụ, vật tư, thiết bị hành trình, thiết bị lai kéo, thiết bị buộc tàu như quy định trong **Yêu cầu kỹ thuật**.

(f) Bằng chi phí của mình, Bên cho thuê tàu chịu trách nhiệm về tất cả các thủ tục cần thiết để điều động tàu kéo đến Cảng Vietsovpetro và thu thập tất cả các chứng chỉ cần thiết từ phía MWS để đảm bảo tàu kéo đáp ứng các yêu cầu của dự án này.

## 8. NGHĨA VỤ BÊN THUÊ TÀU

(a) Ngoại trừ các công việc do thuyền viên làm, tại tất cả thời điểm của hợp đồng này, Bên thuê tàu sẽ cung cấp và thanh toán cho việc bốc dỡ hàng hoá, dọn vệ sinh hầm hàng xếp đặt các tấm đệm cần thiết, các thiết bị dùng để đảm bảo an toàn cho hàng hoá trên boong, tất cả các móc và khoá treo, các dây chằng buộc (ngoại trừ do Bên cho thuê tàu cung cấp) như các dây cáp treo được sử dụng để xếp dỡ hàng hoá và phục vụ công tác thi công ngoài khơi, các đầu nối ống để bơm chuyên các hàng rời, khí trợ để bảo vệ hàng hoá, điện cực dùng cho công việc ngoài khơi.

## 9. NHIÊN LIỆU, DẦU NHỚT VÀ NƯỚC TRÊN TÀU

**Bên cho thuê tàu cung cấp dầu nhớt, nước** cho hoạt động của tàu trong suốt quá trình thuê từ lúc On-hire đến lúc Off-hire. **Bên thuê tàu cung cấp dầu DO cho hoạt động của tàu** trong suốt quá trình thuê từ lúc On-hire đến lúc Off-hire.



Nếu hai bên không có thoả thuận cụ thể nào khác, thì con tàu sẽ được bàn giao cùng với số lượng nhiên liệu, dầu nhớt và nước có trên tàu vào thời điểm đó. Tàu sẽ được giao trả cùng với số lượng nhiên liệu dầu DO, đủ để con tàu hành trình về tới điểm tiếp nhiên liệu dầu DO gần nhất trên đường tới cảng đích tiếp theo.

- **Bên thuê tàu sẽ cung cấp lượng dầu DO** tiêu thụ cho tàu với định mức không vượt quá như bảng dưới đây. Trong trường hợp lượng dầu tiêu thụ thực tế vượt quá định mức dưới đây, số lượng dầu DO bị vượt quá sẽ do Bên cho thuê tàu chịu.

Định mức nhiên liệu dầu DO tiêu thụ ( M3/ Ngày)	Tàu: ...	Tàu: ...
Hoạt động ngoài biển (offshore working)		
Chờ ngoài biển (offshore standby).		
Làm việc tại cảng (working at port).		
Chờ tại cảng (chờ thời tiết, stanby do Vietsovpetro yêu cầu)		

Trong trường hợp lượng dầu DO tiêu thụ thực tế vượt quá định mức được quy định tại bảng trên thì trong vòng 07 ngày từ ngày tàu off-hire, XNXL/Xí nghiệp Vận Tải Biển - đại diện cho Bên thuê tàu và Bên cho thuê tàu hoàn tất ký Biên bản xác nhận lượng dầu DO tiêu thụ thực tế, trong đó ghi rõ số lượng dầu DO vượt định mức. XNXL sẽ đại diện cho Bên thuê tàu phát hóa đơn GTGT cho phần dầu tiêu thụ vượt quá định mức đó với đơn giá dầu do PVOil công bố tại thời điểm offhire và Bên cho thuê tàu sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên thuê tàu gửi hóa đơn nêu trên kèm hồ sơ liên quan.

Hai bên sẽ tiến hành cân đối dầu DO, giữa thời điểm on-hire và off-hire bằng cách Bên thuê tàu sẽ trả tàu cùng với lượng dầu DO bằng số lượng dầu DO ở thời điểm on-hire. Các bên sẽ hoàn trả cho nhau lượng dầu DO sau khi cân đối.

- Trong trường hợp hai bên không cân đối được dầu DO theo đề cập nêu trên thì:
  - Nếu số lượng dầu DO lúc off-hire ít hơn số lượng dầu DO lúc on-hire, Bên cho thuê tàu sẽ phát hóa đơn GTGT cho phần dầu chênh lệch đó với đơn giá dầu do PVOil công bố tại thời điểm onhire và thực hiện thanh toán bổ sung khi quyết toán hợp đồng.
  - Nếu số lượng dầu DO lúc off-hire nhiều hơn số lượng dầu DO lúc on-hire thì:
    - + Trong vòng 07 ngày từ ngày off-hire, hai Bên sẽ phối hợp thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn trả lượng dầu chênh lệch đó cho Bên thuê tàu từ tàu của Bên cho thuê tàu khi thực hiện hợp đồng này. Cụ thể: Việc hoàn trả dầu DO được thực hiện tại cảng của Bên thuê tàu và Bên cho thuê tàu bằng chi phí của mình tự thu xếp thủ tục xin phép được hoàn trả dầu DO vào tàu của Bên thuê tàu.
    - + Nếu quá thời hạn 07 ngày nêu trên, Bên thuê tàu sẽ phát hóa đơn GTGT cho phần dầu DO chênh lệch đó với đơn giá dầu do PVOil công bố tại thời điểm offhire và thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên thuê tàu gửi hóa đơn nêu trên kèm hồ sơ liên quan cho Bên cho thuê tàu.
    - + Trong trường hợp Bên cho thuê tàu không thực hiện được việc hoàn trả dầu DO do Bên thuê tàu cấp, sau khi thực hiện hợp đồng này, việc hoàn trả dầu DO có thể tiến hành theo cách khác như sau:

Trên cơ sở Biên bản on/offhire của tàu và Biên bản xác nhận lượng dầu DO vượt định mức (biên bản ký giữa XNXL/Xí nghiệp Vận Tải Biển - đại diện cho Bên thuê tàu và Bên cho thuê tàu), Bên cho thuê tàu gửi công văn cho Bên thuê tàu để thông báo việc hoàn trả dầu DO. Bên thuê tàu sẽ gửi công văn phản hồi hướng dẫn việc hoàn trả dầu DO tại kho của PV



OIL, TP. Hồ Chí Minh hoặc phương thức hợp lý khác và Bên cho thuê tàu thực hiện hoàn trả dầu DO trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được công văn này.

## 10. TIỀN THUÊ TÀU VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(a) *Tiền thuê tàu*: Bên thuê tàu sẽ thanh toán tiền cho Bên cho thuê tàu theo đơn giá ghi trong phần 10.(b) dưới đây kể từ thời điểm tàu được bàn giao cho Bên thuê tàu cho đến khi kết thúc thời gian thuê hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

(b) Giá trị hợp đồng tạm tính cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

[KẾT CHUYỂN BẢNG GIÁ TỪ HSDT CỦA NHÀ THẦU]

...

(Kèm theo bảng đơn giá cho tàu kéo)

Ghi chú:

1. Đồng tiền là VNĐ
2. “*Vietsovpetro cung cấp dầu DO cho quá trình hoạt động theo định mức tại điều 9*”
3. Giá đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí phát sinh trong và ngoài nước Việt nam, bao gồm cả thuế Giá Trị Gia Tăng (GTGT), thuế nhập khẩu (nếu có)..... Thuế GTGT tạm tính 10% và sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.
4. Giá đã bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí: phí bảo hiểm cho tàu kéo (Cargo insurance P&I, H&M), chi phí ăn ở của thuyền viên, thủy thủ đoàn, các loại Cảng phí, Phí cảng vụ, phí hải quan, phí đại lý, phí Pre-suitable survey của đơn vị thứ 3, phí on&off hire, phí hoa tiêu, phí bảo hiểm, trang thiết bị an toàn hàng hải, cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, phí đội ca thuyền viên, các chi phí trực tiếp và gián tiếp khác theo quy định trong Yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo thực hiện gói thầu.
5. Thời gian thuê tàu kéo ở trên chỉ là tạm tính, thời gian thuê thực tế tính theo số ngày Vietsovpetro thực tế sử dụng căn cứ vào biên bản on-hire và off-hire, thời gian thuê tính theo tỉ lệ (prorata), 1 ngày tính là 24 giờ, làm tròn 3 số thập phân.
6. Huy động: được hiểu là tàu kéo đã có tại vị trí / Cảng yêu cầu huy động theo yêu cầu của bên A và sau khi hoàn tất việc kiểm tra Onhire, tất cả các thiết bị dụng cụ sẵn sàng hoạt động tốt để nhận hàng hóa. Địa điểm huy động tàu kéo: Cảng Vietsovpetro
7. Giải tỏa: được hiểu là tàu kéo trở về vị trí/ Cảng giải tỏa sau khi hoàn tất công việc. Địa điểm giải tỏa tàu kéo: Cảng Vietsovpetro
8. Việc phân chia chế độ hoạt động của tàu sẽ dựa vào báo cáo hoạt động hàng ngày của tàu (logbook). Bên thuê tàu có trách nhiệm phối hợp với Bên cho thuê tàu xác định các thời điểm nói trên để làm cơ sở thanh toán.
9. Tàu kéo được huy động khi có yêu cầu của Vietsovpetro.

(c) Phương thức thanh toán:



- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). Thời hạn thanh toán: Không muộn hơn **45 ngày** kể từ ngày Bên thuê tàu nhận đủ chứng từ thanh toán. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản.

- **Lần 1:**

Bên thuê tàu sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu đến **80% chi phí thực tế** sau khi Bên cho thuê tàu hoàn thành công việc của dự án TN-HA:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Hóa đơn GTGT (bản gốc);
- Biên bản xác nhận thời gian bắt đầu thuê tàu (Biên bản on-hire) có xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu (Lãnh đạo XNXL) (bản gốc).
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bản sao).
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 2 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản gốc).
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán việc được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 2 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản gốc)

**Lần 2:** Bên thuê tàu sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu đến **80% chi phí thực tế** sau khi Bên cho thuê tàu hoàn thành công việc của dự án DHN:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Hóa đơn GTGT (bản gốc);
- Biên bản xác nhận thời gian bắt đầu thuê tàu (Biên bản on-hire) có xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu (Lãnh đạo XNXL) (bản gốc).
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bản sao).
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 2 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản gốc).
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán việc được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 2 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản gốc)

- **Mốc thanh toán lần cuối cùng:** Bên thuê tàu thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng cho Bên cho thuê tàu trên cơ sở bộ chứng từ như sau:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Hóa đơn GTGT (bản gốc);
- Bảng xác nhận số ngày/ thời gian thuê tàu kéo có xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu (Lãnh đạo XNXL) (bản sao);
- Bảng xác nhận suất ăn, ngủ trên tàu có xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu (Lãnh đạo XNXL) (bản sao)
- Biên bản xác nhận thời gian bắt đầu thuê tàu (Biên bản on-hire) và thời gian kết thúc thuê tàu (Biên bản off-hire) của tàu có xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu (Lãnh đạo XNXL)(bản sao);
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 2 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản sao).
- Biên bản quyết toán giá trị hợp đồng được ký bởi đại diện có thẩm quyền của 02 Bên (Bên thuê tàu là Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám Đốc) (bản gốc).

(d) *Tiền thuê tàu trong thời gian gia hạn:* Trong trường hợp Bên thuê tàu kéo dài thời hạn thuê theo hợp đồng này theo như quy định tại Điều 1(b) thì tiền thuê tàu cho thời hạn kéo dài (trừ trường hợp đã được ghi trong ô 20) sẽ được hai bên cùng thoả thuận.

(e) *Điều chỉnh tiền thuê tàu:* Như nêu trong điều 10 (a).



- (f) *Phát hành hoá đơn*: Tất cả các hoá đơn được phát hành bằng VNĐ. Thuế GTGT được xác định theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát hành hóa đơn.
- (g) *Kiểm toán*: Bên thuê tàu có thể chỉ định một kiểm toán viên độc lập để kiểm tra sổ sách kế toán của Bên cho thuê tàu có liên quan tới việc thực hiện theo hợp đồng thuê tàu này vào bất kỳ lúc nào trong khoảng thời gian ghi trong ô 25 kể từ khi hợp đồng này kết thúc. Khi được yêu cầu Bên cho thuê tàu cam kết sẽ xuất trình các sổ sách kế toán đó để Bên thuê tàu kiểm toán. Nếu như phát hiện thấy có sai lệch gì trong các khoản tiền thanh toán thì các bên sẽ giải quyết sự sai lệch đó bằng cách phát hành hoá đơn hoặc giấy báo nợ tương ứng.
- (h) Trong vòng 30 ngày lịch sau khi các Bên hoàn thành Hợp đồng hoặc khi được yêu cầu, Bên A và Bên B sẽ ký biên bản đối chiếu công nợ để xác nhận tình hình công nợ liên quan đến Hợp đồng này tại thời điểm được yêu cầu. Nếu quá thời hạn Bên A yêu cầu mà Bên A không nhận được phản hồi từ Bên B thì sẽ được xem như Bên B đã xác nhận số công nợ.

(i) Standby

• Định nghĩa Standby

Trạng thái Standby được hiểu là thời gian tàu kéo sẵn sàng hoạt động nhưng không thực hiện nhiệm vụ do nguyên nhân từ bên thuê tàu, hoặc các điều kiện khách quan khác không phải do lỗi của bên cho thuê tàu.

• Các trường hợp áp dụng Standby:

Thời gian Standby sẽ được tính khi:

- + Tàu đã được huy động đến địa điểm yêu cầu nhưng phải chờ lệnh hoạt động từ bên thuê tàu.
- + Tàu không thể thực hiện công việc do thời tiết xấu, không đảm bảo an toàn hàng hải, cụ thể là điều kiện thời tiết không cho phép thi công (chiều cao sóng > 2.5m, tốc độ gió > 18m/s). Nếu các Bên không thống nhất được thì dựa vào dự báo thời tiết của Cơ quan dự báo thời tiết Furgo.
- + Tàu chờ tại cảng do việc xếp dỡ hàng hóa hoặc các công tác khác từ phía bên thuê tàu kéo dài hơn dự kiến.
- + Tàu sẵn sàng rời cảng nhưng chưa nhận được sự cho phép hoặc hướng dẫn từ bên thuê tàu hoặc cơ quan quản lý cảng.

• Mức phí Standby và phương thức tính toán

- Phí thuê tàu Standby theo ngày: Theo đơn giá tại Điều 10(b).
- Phí nhiên liệu và các chi phí khác: Theo đơn giá tại Điều 10(b).
- Mọi chi phí Standby sẽ được tính theo thực tế sử dụng, làm tròn đến 3 chữ số thập phân.

Trường hợp Standby dưới 24 giờ, thời gian sẽ được tính theo tỷ lệ (pro-rata) trên đơn giá ngày.

## 11. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên thuê tàu phát hành Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng, Bên cho thuê tàu mở Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng **10 %** giá trị Hợp đồng, tương đương .... VNĐ. Bảo lãnh này được phát hành bởi Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo mẫu kèm theo hợp đồng này. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực từ ngày phát hành đến ngày 02 Bên ký Biên bản off-hire tàu cuối cùng cộng thêm 30 ngày (dự kiến ngày .....).

Nếu thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được yêu cầu gia hạn (do chậm trễ hoặc gia hạn ngày kết thúc thuê tàu do lỗi của Bên cho thuê tàu), Bên cho thuê tàu phải hướng dẫn ngay lập tức Ngân hàng thực hiện sửa đổi thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Việc sửa đổi như vậy sẽ được ngân hàng phát hành thông báo cho Bên thuê tàu qua telex và cung cấp cho Bên thuê tàu một bản gốc.



Nếu Bên cho thuê tàu chấm dứt Hợp đồng thuê tàu này mà không có sự chấp thuận của Bên thuê tàu trừ trường hợp bất khả kháng, trong trường hợp đó Bên thuê tàu có quyền rút tiền Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng thuê tàu này.

Tất cả các chi phí liên quan đến Bảo lãnh thực hiện hợp đồng sẽ do Bên cho thuê tàu chi trả.

Nếu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng không được Bên cho thuê tàu phát hành trong thời gian quy định mà không có lý do chính đáng (được Bên thuê tàu chấp thuận), Bên thuê tàu có quyền chấm dứt việc Thuê tàu và Bên cho thuê tàu không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Nếu Bên cho thuê tàu không gửi Bản sửa đổi/Gia hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Bên thuê tàu bằng văn bản, Bên cho thuê tàu sẽ thanh toán cho Bên thuê tàu một khoản 0,2% giá trị của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền bồi thường đã được thỏa thuận và thiệt hại ước tính về việc trì hoãn việc gửi Bản sửa đổi/Gia hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng không được vượt quá 08% giá trị của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

## 12. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG TRẢ TIỀN THUÊ TÀU

- (a) Nếu tàu không hoạt động được do không đủ thuyền viên hay không đủ hàng hoá nhu yếu phẩm dự trữ, do Thuyền trưởng hay sỹ quan, thuyền viên trên tàu đình công, hỏng máy, hư hỏng thân tàu hay do những sự cố khác xảy ra đối với tàu, thì Bên thuê tàu sẽ không thanh toán tiền thuê tàu đối với khoảng thời gian bị mất đó và các khoản tiền trả trước cũng sẽ bị điều chỉnh lại. Tuy nhiên Bên cho thuê tàu vẫn được thanh toán tiền thuê tàu trong trường hợp con tàu không thực hiện được các công việc bởi các lý do sau:
- (i) Vận chuyển hàng hoá như được ghi trong Điều 5(c) (iii) và (iv).
  - (ii) Bị dịch bệnh hay có nguy cơ bị dịch bệnh ngoại trừ nguyên nhân do Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên có giao tiếp với khu vực bị dịch bệnh ở trên bờ nơi không có liên quan gì tới hoạt động của tàu mà không được sự đồng ý hoặc chỉ thị của Bên thuê tàu.
  - (iii) Thực hiện các công việc không quy định trong hợp đồng này hoặc tránh những nguy cơ đe dọa bất thường, theo yêu cầu của Bên thuê tàu.
  - (iv) Tàu bị ngưng trệ do buộc phải vào cảng hay khu vực neo đậu để tránh thời tiết xấu, hay đi vào những cảng nước nông hoặc những sông có doi cát hay có sự cố xảy ra đối với hàng hoá trên tàu, khi đó chi phí phát sinh từ việc ngưng trệ này sẽ do Bên thuê tàu trả.
  - (v) Bị ngưng trệ do băng tuyết hoặc do hư hỏng.
  - (vi) Do hành động hay sai sót của Bên thuê tàu, nhân viên hay đại lý của bên thuê tàu.
- (b) *Trách nhiệm trong trường hợp tàu không làm việc:* Trách nhiệm của Bên cho thuê tàu đối với các thiệt hại, tổn thất hay chậm trễ gây ra cho Bên thuê tàu do việc tàu không thực hiện được công việc vì bất cứ lý do gì sẽ chỉ giới hạn bởi việc không được trả tiền thuê tàu mà thôi.
- (c) *Việc bảo dưỡng và lên đốc:* Cho dù được quy định tại mục (a) Điều 11 trên đây, Bên thuê tàu đồng ý cho Bên cho thuê tàu tối đa là 24giờ/tháng và được cộng dồn mà vẫn được trả tiền thuê tàu để làm công tác bảo dưỡng sửa chữa bao gồm cả việc đưa tàu lên đốc (sau đây được gọi là “thời gian bảo dưỡng sửa chữa cho phép”). Khoảng thời gian này sẽ được chia theo tỷ lệ và sẽ được cộng dồn.
- Tàu sẽ được đưa lên đốc định kỳ, khi đó Bên thuê tàu sẽ giao lại quyền sử dụng tàu cho Bên cho thuê tàu với sàn không còn hàng để tàu lên đốc tại cảng (sẽ được Bên cho thuê tàu chỉ định sau) có những điều kiện thuận lợi thích hợp cho việc lên đốc nói trên.



Trong thời gian hành trình hợp lý giữa cảng nói trên và khu vực hoạt động, tàu vẫn coi như đang được thuê và thời gian này không bị trừ vào “thời gian bảo dưỡng sửa chữa cho phép”.

Bên thuê tàu sẽ không thanh toán tiền thuê tàu cho khoảng thời gian mà Bên cho thuê tàu dùng để bảo dưỡng sửa chữa hay lên dốc vượt quá “thời gian bảo dưỡng sửa chữa cho phép” cộng dồn.

Trong trường hợp thời gian sửa chữa và lên dốc ít hơn hoặc tàu không sẵn sàng để tiến hành sửa chữa do lỗi của Bên thuê tàu, thì khi hết hạn thời gian thuê hoặc khi chấm dứt thuê tàu trước thời hạn, Bên thuê tàu phải trả phần tương đương tính theo đơn giá thuê theo ngày thêm vào tiền thuê phải trả theo hợp đồng này, đối với toàn bộ thời gian chưa được sử dụng trong “thời gian bảo dưỡng sửa chữa cho phép”.

Khi bắt đầu thời gian thuê tàu, Bên cho thuê tàu đồng ý cung cấp cho Bên thuê tàu kế hoạch lên dốc của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu đồng ý sẽ cố gắng trong phạm vi có thể được để giúp cho Bên cho thuê tàu thực hiện được kế hoạch sửa chữa tàu lên dốc.

### **13. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI (Điều khoản này sẽ tiếp tục xem xét bổ sung)**

- (a) Bên thuê tàu: Cho dù có quy định nào khác trong hợp đồng thuê tàu này, ngoại trừ các quy định tại Điều 5(c) (iii), 7(b), 8(b), 13(g), 16(c), Bên thuê tàu sẽ không chịu trách nhiệm về những tổn thất hay thiệt hại về tài sản của Bên cho thuê tàu, các nhà thầu, nhà thầu phụ của họ bao gồm cả con tàu, cũng như không chịu trách nhiệm gì về các thương tật, tính mạng của các nhân viên Bên cho thuê tàu, các nhà thầu, nhà thầu phụ của họ phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng thuê tàu này, thậm chí ngay cả trong trường hợp những mất mát, tổn thất, thương tật và tử vong đó một phần hay toàn bộ do hành động, sự sao nhãng hay do lỗi của Bên thuê tàu, nhân viên của Bên thuê tàu, các nhà thầu của họ gây ra. Bên thuê tàu cũng không chịu trách nhiệm gì trong trường hợp những mất mát, tổn thất, thiệt hại, thương tật và tử vong đó một phần hay toàn bộ là do tàu không có khả năng đi biển gây ra. Bên cho thuê tàu đảm bảo cho Bên thuê tàu được miễn trách nhiệm, bảo vệ, biện hộ và giữ cho bên thuê tàu không bị phương hại đối với tất cả những khiếu nại, phí tổn, chi phí, kiện tụng, xét xử, những đòi hỏi và trách nhiệm pháp lý liên quan tới tổn thất, thiệt hại, thương tật và tử vong nêu trên.
- (b) *Bên cho thuê tàu:* Cho dù có quy định nào khác trong hợp đồng thuê tàu này, Bên cho thuê tàu sẽ không chịu trách nhiệm gì về những tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm pháp lý phát sinh từ bất kỳ phương tiện nào được con tàu lai dắt, các hàng hóa được bốc xếp hay chuyên chở trên tàu hoặc được tàu kéo, tài sản của Bên thuê tàu, các nhà thầu, nhà thầu phụ của Bên thuê tàu, bao gồm cả các giàn khoan và các công trình ngoài biển cũng như không chịu trách nhiệm gì về những thương tật hay tổn thất về tính mạng đối với nhân viên của Bên thuê tàu, của các nhà thầu, nhà thầu phụ của họ (ngoài số nhân viên của Bên cho thuê tàu và các nhà thầu, nhà thầu phụ của họ) hay bất kỳ người nào đi trên phương tiện được con tàu lai dắt, phát sinh hoặc có liên quan dưới bất kỳ hình thức nào đến việc thực hiện hợp đồng thuê tàu này, thậm chí ngay cả trong trường hợp những mất mát, tổn thất, thương tật và tổn thất về tính mạng đó một phần hay toàn bộ do hành động, sự sao nhãng hay do lỗi của Bên cho thuê tàu, nhân viên của Bên cho thuê tàu, các nhà thầu của họ gây ra. Bên cho thuê tàu cũng không chịu trách nhiệm gì trong trường hợp những mất mát, tổn thất về tính mạng đó một phần hay toàn bộ là do một con tàu nào khác không đủ khả năng đi biển gây ra. Bên thuê tàu đảm bảo cho Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm, bảo vệ, biện hộ và giữ cho Bên cho thuê tàu không bị phương hại đối với tất cả các khiếu nại, phí tổn, chi phí, kiện tụng, xét xử, những đòi hỏi và trách nhiệm pháp lý có liên quan tới mất mát, tổn thất, thương tật và tử vong nêu trên.
- (c) *Thiệt hại gián tiếp:* Không bên nào chịu trách nhiệm đối với bên kia và cả hai bên cùng đồng ý bào chữa, bảo vệ và đảm bảo cho bên kia được miễn trách nhiệm đối với những thiệt hại gián tiếp phát sinh hay liên quan bằng cách này hay cách khác từ việc thực hiện hay không



thực hiện hợp đồng thuê tàu này, bao gồm nhưng không giới hạn sự mất mát cơ hội sử dụng, thua lỗ, ngừng sản xuất, tổn thất sản phẩm, chi phí bảo hiểm.

(d) *Các giới hạn:* Không có điều khoản nào trong hợp đồng này được hiểu để tước đoạt của Bên thuê tàu hoặc Bên cho thuê tàu quyền khiếu nại giới hạn trách nhiệm pháp lý đối với một cá nhân hay tổ chức thứ ba nào hoặc là giữa hai bên lẫn nhau mà một luật pháp áp dụng, đạo luật, hiệp định quy định nào, với điều kiện là không một điều khoản nào trong hợp đồng thuê tàu này tạo ra quyền hạn chế những trách nhiệm pháp lý nói trên. Nếu mà Bên cho thuê tàu hoặc Bên thuê tàu có thể phải bồi thường theo điều khoản của hợp đồng này hoặc bồi thường lẫn nhau do đòi hỏi, yêu cầu của một bên thứ ba nào đó, Bên cho thuê tàu hoặc Bên thuê tàu cố gắng giới hạn trách nhiệm pháp lý của mình đối với bên thứ ba đó.

(e) *Điều khoản Himalaya.*

(i) Tất cả các loại trừ, miễn trừ, bảo vệ, giới hạn trách nhiệm pháp lý, việc bồi thường, những đặc quyền và các điều kiện, điều khoản được quy định trong hợp đồng thuê tàu này hay do bất kỳ đạo luật nào quy định, quy tắc áp dụng có lợi cho Bên thuê tàu cũng sẽ được áp dụng cho Công ty mẹ, các chi nhánh và các Công ty trực thuộc có liên quan; các nhà thầu, nhà thầu phụ, bạn hàng, liên doanh, những Công ty cùng hưởng lãi của Bên thuê tàu trong phạm vi công việc hoặc dự án mà con tàu đang được thuê để phục vụ; những nhân viên tương ứng của họ và những người bảo hiểm của họ.

(ii) Tất cả các loại trừ, miễn trừ, bảo vệ, giới hạn trách nhiệm pháp lý, việc bồi thường, những đặc quyền và các điều kiện, điều khoản được quy định trong hợp đồng thuê tàu này hay do bất kỳ đạo luật nào quy định, quy tắc áp dụng có lợi cho Bên cho thuê tàu cũng sẽ được áp dụng cho Công ty mẹ, các chi nhánh và các Công ty trực thuộc có liên quan, các nhà thầu, nhà thầu phụ của Bên cho thuê tàu, con tàu, Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên, chủ sở hữu đăng ký, người vận hành, người thuê và chuyển nhượng lại con tàu và cả những nhân viên tương ứng của họ, những người bảo hiểm tương ứng của họ.

(iii) Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu sẽ được coi như là những người thực hiện với tư cách là đại lý, hay người được uỷ thác cho lợi ích của các cá nhân hoặc các tổ chức kể trên nhưng chỉ cho mục đích giới hạn của hợp đồng đối với việc mở rộng lợi ích của các cá nhân và tổ chức trên mà thôi.

(f) *Thỏa thuận từ bỏ quyền khiếu nại: (không bắt buộc, chỉ áp dụng nếu ghi trong ô 28, nhưng cho dù việc lựa chọn này được thực hiện hay không thì các điều ghi trong điều khoản 13 vẫn được ưu tiên áp dụng và có hiệu lực tiên quyết).*

Để tránh những tranh chấp liên quan đến trách nhiệm đối với thương tật, tính mạng của nhân viên, những mất mát hay tổn thất về tài sản, Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu hoặc bằng chính quy định của hợp đồng sẽ ký thêm một thỏa thuận về việc **“giữ cho nhau khỏi bị thiệt hại và từ bỏ quyền khiếu nại”** (với nội dung về cơ bản như Phụ lục C đính kèm) giữa Bên cho thuê tàu, Bên thuê tàu với một số nhà thầu chính, nhà thầu phụ của Bên thuê tàu.

(g) *Các chất nguy hiểm độc hại:* Cho dù bất cứ điều khoản nào trái ngược được quy định trong hợp đồng này, Bên thuê tàu sẽ luôn chịu trách nhiệm về các tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm pháp lý mà Bên cho thuê tàu, nhân viên của họ, nhà thầu, nhà thầu phụ, Bên thuê tàu, hoặc bên thứ ba phải chịu về bản thân con tàu, các tài sản khác, thương tật, tính mạng của con người, ô nhiễm hay nói cách khác là các tổn thất thiệt hại gây nên bởi việc tàu vận chuyển một cách trực tiếp hay gián tiếp các chất độc hại theo lệnh của Bên thuê tàu. Bên thuê tàu đảm bảo Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm và không bị phương hại đối với các chi phí, thiệt hại và trách nhiệm pháp lý phát sinh dưới bất kỳ hình thức nào do việc vận chuyển các chất độc hại nói trên.

(h) Bất kể các quy định của Điều 13 hoặc các quy định khác có trong hợp đồng này, cho đến hết thời gian thực hiện công việc, nếu xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với Hàng mục công trình, bất kể nguyên nhân hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc, Bên cho



thuê tàu sẽ chịu chi phí cho các biện pháp được thực hiện để xác định, đánh giá, khắc phục, bù đắp những tổn thất hoặc thiệt hại đó; tuy nhiên, với điều kiện là trách nhiệm của Bên cho thuê tàu đối với những tổn thất hoặc thiệt hại đó sẽ bị giới hạn và không được vượt quá:

- 750.000 USD (Bảy trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ chẵn) đối với mỗi sự vụ liên quan đến việc hạ thủy và vận chuyển các Hạng mục công trình ra địa điểm ngoài khơi, ngoại trừ liên quan đến đường ống ngoài khơi và các hạng mục dưới biển.
- 1.000.000 USD (Một triệu đô la Mỹ chẵn) đối với mỗi sự vụ liên quan đến lắp đặt ngoài khơi bao gồm các hoạt động bảo trì và phát hiện sự cố sau đó, ngoại trừ liên quan đến đường ống ngoài khơi và các hạng mục dưới biển
- 1.500.000 USD (Một triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ chẵn) đối với mỗi sự vụ liên quan đến đường ống ngoài khơi và các hạng mục dưới biển, bao gồm các hoạt động bảo trì và phát hiện sự cố sau đó.
- Thiệt hại hoặc tổn thất đối với Tài sản hiện hữu của Chủ đầu tư: 1.000.000 USD (Một triệu đô la Mỹ chẵn) đối với mỗi sự vụ.
- Thiệt hại liên quan đến kiểm soát và loại bỏ ô nhiễm/nhiễm bẩn do việc thực hiện công việc theo hợp đồng: 1.000.000 USD (Một triệu đô la Mỹ chẵn) đối với mỗi sự vụ.

“Hạng mục công trình” được quy định là WHP-DHN jacket, TNHA Jacket (chân đế), Topside (khối thượng tầng), Piles (cọc); đề cập trong Yêu cầu kỹ thuật và các vật tư thiết bị khác được sử dụng trong quá trình hạ thủy xuống sà lan.

“Tài sản hiện hữu” bao gồm tất cả máy móc, công trình, thiết bị, ống dẫn, đường ống, giếng khoan, cụm ống, đầu giếng và các tài sản hữu hình khác thuộc sở hữu của Chủ đầu tư ZARUBEZHNEFT EP VIETNAM B.V. và Chủ đầu tư PVEP-POC theo thỏa thuận vận hành chung hoặc thỏa thuận hợp nhất mà công việc đang được thực hiện, nằm tại, trên hoặc liên kết với công trường. Tài sản hiện hữu không bao gồm các Hạng mục công trình.

#### **14. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

- (a) Trừ khi có quy định tại Điều 16(c) (iii) dưới đây, Bên cho thuê tàu sẽ chịu trách nhiệm và đảm bảo, giữ cho Bên thuê tàu được miễn trách nhiệm và không bị phương hại đối với mọi khiếu nại, chi phí, phí tổn, kiện tụng, yêu cầu hay bất kỳ một trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ ô nhiễm môi trường thực tế xảy ra hay có nguy cơ xảy ra, chi phí việc khắc phục, khống chế sự ô nhiễm đó phát sinh từ hành động hay sai sót của Bên cho thuê tàu hay nhân viên của họ đã gây ra hoặc cho phép thải các chất gây ô nhiễm hoặc gây ra sự rò rỉ từ phía con tàu, ngoại trừ sự rò rỉ từ những hàng hoá chở trên tàu.
- (b) Bên thuê tàu sẽ chịu trách nhiệm và đảm bảo, giữ cho Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm và không bị phương hại đối với tất cả các khiếu nại, chi phí, kiện tụng, yêu cầu hay bất kỳ một trách nhiệm pháp lý nào phát sinh do ô nhiễm môi trường thực tế xảy ra hay có nguy cơ xảy ra, ngay cả khi sự ô nhiễm đó hoàn toàn hay một phần do hành động, sự sao nhãng hay do lỗi của Bên cho thuê tàu hay nhân viên của các nhà thầu, nhà thầu phụ của họ hay do việc tàu không có khả năng đi biển gây ra.

#### **15. BẢO HIỂM**

- (a) (i) Trong suốt thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, Bên cho thuê tàu phải mua và duy trì các loại bảo hiểm như được nêu tại Phụ lục B, tại các hãng được bảo hiểm có uy tín. Mức trách nhiệm bồi thường của đơn bảo hiểm ít nhất phải bằng mức nêu trong Phụ lục B. Mức miễn thường hợp lý sẽ được chấp nhận và do Bên cho thuê tàu chịu.
- (ii) Khi được yêu cầu, Bên thuê tàu sẽ cùng đứng tên là người được bảo hiểm. Khi được yêu cầu Bên cho thuê tàu sẽ đề nghị các công ty bảo hiểm của mình từ bỏ thể quyền đòi nợ đối với Bên thuê tàu (như đã nêu ở Điều 13(e)(i)). Việc đồng bảo hiểm và/hoặc từ bỏ thể quyền đòi nợ sẽ chỉ áp dụng đối với những trách nhiệm pháp lý mà nó chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm của Bên cho thuê tàu theo quy định của hợp đồng này mà thôi.



- (b) Khi được yêu cầu, Bên cho thuê tàu phải cung cấp cho Bên thuê tàu giấy chứng nhận bảo hiểm có đầy đủ thông tin để chứng tỏ rằng Bên cho thuê tàu đã tuân thủ những yêu cầu về bảo hiểm của hợp đồng thuê tàu này.
- (c) Nếu Bên cho thuê tàu không tuân thủ những yêu cầu về bảo hiểm nêu trên thì Bên thuê tàu sẽ tự mua bảo hiểm và khấu trừ tiền mua bảo hiểm này từ các khoản tiền phải thanh toán cho Bên cho thuê tàu theo hợp đồng này. Việc mua bảo hiểm như vậy sẽ không làm phương hại đến quyền lợi của Bên thuê tàu và các khoản bồi thường mà Bên thuê tàu được hưởng theo quy định của hợp đồng này.

## 16. CỨU NẠN CỨU HỘ

- (a) Tàu sẽ được phép đi thực hiện việc cứu nạn trên biển mà không cần sự chấp thuận hay thông báo trước cho Bên thuê tàu mà vẫn được hưởng tiền thuê tàu nhưng với điều kiện là Bên cho thuê tàu phải thông báo cho Bên thuê tàu biết càng sớm càng tốt.
- (b) Trên cơ sở được sự đồng ý của Bên thuê tàu mà điều này sẽ không bị trì hoãn một cách phi lý, tàu sẽ được tự do thực hiện công tác cứu hộ. Trong trường hợp này thời gian thuê tàu sẽ tạm ngưng kể từ thời điểm tàu rời cảng hay bắt đầu đi làm công tác cứu hộ và đồng thời cũng không được thanh toán tiền thuê tàu cho đến thời điểm tàu quay lại vị trí sẵn sàng nhận nhiệm vụ của Bên thuê tàu mà vị trí đó không bất lợi hơn cho Bên thuê tàu so với vị trí tàu trước khi rời cảng hay đi làm công tác cứu hộ.

Tất cả khoản tiền cứu hộ do tàu thu được sẽ được chia đều cho Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu sau khi đã trừ đi phần của Thuyền trưởng, sỹ quan và thủy thủ được hưởng, các chi phí hợp lý, giá trị nhiên liệu và dầu nhớt tiêu thụ, tiền thuê tàu mà Bên cho thuê tàu không được hưởng trong thời gian tàu cứu hộ, chi phí sửa chữa những hư hỏng gặp phải và những tổn thất hay chi phí bất thường khác nếu có do việc cứu hộ gây ra.

Bên thuê tàu cũng phải tuân theo các cách tính, biện pháp mà Bên cho thuê tàu đưa ra nhằm định giá và thu được khoản tiền cứu hộ.

- (c) Bên cho thuê tàu sẽ khước từ quyền đòi thù lao của việc cứu hộ đối với những tài sản thuộc sở hữu của Bên thuê tàu hay do Bên thuê tàu thuê, với điều kiện những tài sản đó phải là đối tượng hoạt động của tàu mà Bên thuê tàu thuê và con tàu vẫn sẽ được trả tiền thuê tàu trong khi thực hiện việc cứu hộ. Việc khước từ quyền đòi hỏi như vậy sẽ không làm ảnh hưởng tới quyền lợi của Thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên dưới bất cứ danh nghĩa nào.

Nếu như Bên cho thuê tàu cứu giúp những tài sản đó đang gặp nạn trên cơ sở “không đòi tiền cứu hộ”, thì cho dù đã có những điều quy định khác trong hợp đồng thuê tàu này và thậm chí trong trường hợp có sự sao nhãng hay lỗi của Bên cho thuê tàu, thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên thì:

(i) Bên thuê tàu sẽ phải chịu trách nhiệm và đảm bảo Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm đối với những khoản phải thanh toán theo quy định của luật pháp đối với thuyền trưởng, sỹ quan và thủy thủ có liên quan tới việc cứu hộ đó.

(ii) Bên thuê tàu sẽ chịu trách nhiệm và sẽ bồi hoàn cho Bên cho thuê tàu những mất mát hay thiệt hại xảy ra đối với tàu và các thiết bị của tàu do việc cứu hộ đó gây ra và cũng sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu những chi phí phát sinh khác có liên quan.

(iii) Bên thuê tàu sẽ chịu trách nhiệm về sự rò rỉ, loang ra và/hoặc phát tán của những chất gây ô nhiễm môi trường thực tế xảy ra hay có khả năng xảy ra do bất cứ nguyên nhân nào trong khu vực hoạt động ở ngoài khơi và bất cứ sự ô nhiễm môi trường nào là hậu quả của các hiện tượng nêu trên gây ra ở bất cứ nơi nào. Trách nhiệm này cũng bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí cho việc thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn hay giảm thiểu những thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra và Bên thuê tàu sẽ đảm bảo Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm đối với trách nhiệm pháp lý và chi phí phát sinh do sự rò rỉ, loang ra và/hoặc phát tán của những chất gây ô nhiễm môi trường đó thực tế xảy ra hay có khả năng xảy ra.



(iv) Tiền thuê tàu vẫn được thanh toán trong thời gian tàu thực hiện công tác cứu hộ đó hay sửa chữa theo quy định của mục (ii) của điều này và thời gian dùng để sửa chữa đó không bị khấu trừ vào “thời gian bảo dưỡng sửa chữa cho phép” được nêu trong Điều 11(c) trên đây.

(v) Bên thuê tàu đảm bảo cho Bên cho thuê tàu được miễn trách đối với tất cả các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan tới những tổn thất về sinh mạng, thương tật, tổn thất và mất mát khác đối với người và tài sản do bất cứ nguyên nhân nào phát sinh từ việc cứu hộ đó.

## 17. CẦM GIỮ TÀI SẢN

Bên cho thuê tàu có quyền cầm giữ tất cả hàng hoá để yêu cầu Bên thuê tàu giải quyết những yêu sách của mình theo quy định của hợp đồng này và Bên thuê tàu có quyền cầm giữ tàu để đòi Bên cho thuê tàu phải thanh toán cho mình những khoản tiền được ứng trước mà Bên cho thuê tàu chưa hoàn trả lại. Bên thuê tàu sẽ không chịu và cũng không cho phép bất kỳ một sự cầm giữ tài sản, sự phiền toái đối với họ hay người được uỷ quyền của họ có liên quan tới quyền và lợi ích của Bên cho thuê tàu đối với tàu. Ngoài trừ những điều như được quy định ở Điều 12, Bên thuê tàu sẽ giữ cho Bên cho thuê tàu khỏi bị thiệt hại và bồi thường về bất kỳ một sự cầm giữ tài sản nào đối với tàu trong thời gian thuê tàu khi mà tàu này nằm trong sự kiểm soát của Bên thuê tàu và đối với bất kỳ một yêu sách nào đó đối với Bên cho thuê tàu có liên quan tới việc Bên thuê tàu điều hành hoạt động của tàu hay do sự sao nhãng của Bên thuê tàu đối với tàu hay hoạt động của tàu.

Nếu như tàu bị bắt giữ với lý do để đòi bồi thường hay cầm giữ tài sản phát sinh từ hoạt động của tàu thì ngoại trừ do hành động hay sự sao nhãng của Bên cho thuê tàu gây ra, Bên thuê tàu bằng chi phí của mình sẽ có những biện pháp thích hợp trong khoảng thời gian hợp lý để giải phóng tàu và bằng chi phí của mình nộp tiền thế chân để giải phóng tàu.

## 18. CHO THUÊ LẠI TÀU VÀ CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG

- (a) *Bên thuê tàu:* Bên thuê tàu có quyền cho thuê lại tàu hoặc cho mượn tàu, chuyển giao quyền và nghĩa vụ của hợp đồng này hay cho bất kỳ một người nào hay công ty nào khác mượn tàu mà những người hoặc công ty đó không phải là đối thủ cạnh tranh của Bên cho thuê tàu, sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê tàu biết với điều kiện phải được Bên cho thuê tàu đồng ý trước mà sự đồng ý đó không được trì hoãn một cách phi lý. Tuy nhiên Bên thuê tàu ban đầu vẫn phải luôn luôn chịu trách nhiệm đối với Bên cho thuê tàu về việc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng thuê tàu này và các nhà thầu hay các công ty được thuê lại tàu, được chuyển giao quyền và nghĩa vụ của hợp đồng này hay được mượn tàu sẽ được coi là nhà thầu của Bên thuê tàu theo quy định của hợp đồng thuê tàu này. Bên cho thuê tàu sẽ ra điều kiện để đồng ý với việc chuyển giao đó là Bên cho thuê tàu phải được nhận thêm một khoản phụ thu tiền thuê tàu phụ nữa theo sự thoả thuận của Bên cho thuê tàu và Bên thuê tàu có tính tới bản chất và thời gian tàu thực hiện công việc theo dự kiến đó.
- (b) Nền tàu được thuê lại, được chuyển giao, hay được mượn để đảm nhận công tác kéo thả neo, kéo giàn khoan có sử dụng các thiết bị khác với các thiết bị được sử dụng bởi Bên thuê tàu, thì “khoản tiền chênh lệch thêm theo ngày” sẽ được trả cho Bên cho thuê tàu cho khoảng thời gian từ khi tàu khởi hành đi thực hiện công tác đó đến khi tàu trở về làm nhiệm vụ như bình thường cho Bên thuê tàu. Nếu khoảng thời gian đó ít hơn một ngày thì “khoản tiền chênh lệch thêm theo ngày” sẽ tính theo tỷ lệ một ngày 24 giờ.
- (c) *Bên cho thuê tàu:* Bên cho thuê tàu sẽ không được chuyển giao, chuyển nhượng bất kỳ phần nào của hợp đồng thuê tàu này khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên thuê tàu, mà sự chấp thuận đó không được phép trì hoãn một cách phi lý. Việc chấp thuận của Bên thuê tàu đồng ý cho Bên cho thuê tàu thực hiện việc chuyển giao đó cũng sẽ không có nghĩa là làm cho Bên cho thuê tàu được miễn trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện đúng



công việc được giao khi tàu được thuê lại, được chuyển nhượng hợp đồng thuê tàu hay được cho mượn nêu trên.

## 19. THAY TÀU

Bên cho thuê tàu có quyền thay thế tàu vào bất kỳ thời điểm nào trước khi giao tàu hay trong thời gian thuê tàu nếu được sự chấp thuận của Bên thuê tàu mà sự chấp thuận đó không được phép trì hoãn một cách phi lý. Tàu thay thế phải có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn và không thay đổi giá cho thuê tàu.

Trong thời gian cho thuê tàu, nếu Bên cho thuê tàu đưa tàu lên dock sửa chữa thì phải cố gắng hết sức để thay thế bằng tàu có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn và không thay đổi giá cho thuê tàu.

## 20. CHIẾN TRANH

- (a) Trừ khi nhận được sự đồng ý của Bên cho thuê tàu, tàu sẽ không được điều động hoặc tiếp tục hành trình đến cảng hay nơi nào đó hoặc tiếp tục chuyển đi hay sử dụng cho dịch vụ nào đó đòi hỏi tàu phải đến hay đi qua khu vực nguy hiểm do chịu những hậu quả thực tế hay đe dọa của chiến tranh, chiến sự, các hành động thù địch, cướp biển, cố ý phá hoại đối với tàu hay đối với các tàu khác với hàng hoá trên tàu gây ra bởi các cá nhân, các tổ chức, quốc gia, các cuộc cách mạng, nội chiến, bạo động, các hoạt động của luật pháp quốc tế. Tàu cũng không phải chịu các rủi ro hay trừng phạt do hậu quả của các chế tài, cũng không chuyên chở các hàng hóa mà tàu có thể phải chịu nguy cơ bị cầm giữ, bị trừng phạt hoặc các cản trở khác dưới bất kỳ hình thức nào gây ra do các thế lực giao tranh, chiến sự, do các tổ chức, chính phủ hoặc nhà cầm quyền nào đó.
- (b) Nếu tàu tiếp cận hay bị điều động tới những vùng nêu trên hoặc có khả năng chịu hiểm họa nêu trên thì, (i) Bên cho thuê tàu sẽ phải mua bảo hiểm cho giai đoạn phải làm việc trong vùng đó với giá trị bảo hiểm bằng giá thị trường của con tàu và tiền thuê tàu phải được cộng thêm khoản tiền do tính chất công việc nguy hiểm trong đó và Bên thuê tàu phải thanh toán cho Bên cho thuê tàu khoản tiền thêm vào để mua bảo hiểm nói trên, và (ii) cho dù đã quy định ở Điều khoản 11, tiền thuê tàu sẽ được trả cho tất cả các thời gian bị mất kể cả thời gian bị mất do việc thương tật của Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên hay của hành khách trên tàu và thời gian bị mất do họ từ chối đến vùng nguy hiểm trên.
- (c) Trong trường hợp phải đóng thêm phí bảo hiểm hoặc tăng tiền lương cho Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên hay tăng chi phí thực phẩm, đồ dự trữ cho boong, buồng máy gây ra do thời gian tàu hiện diện tại nơi diễn ra các sự kiện nêu trong Điều khoản 19(a) nói trên thì số phí bảo hiểm phát sinh thêm và/hoặc số gia tăng các chi phí vừa kể trên sẽ được tính vào trong giá thuê tàu và được Bên thuê tàu trả cho Bên cho thuê tàu hàng tháng.
- (d) Tàu được tự do tuân thủ các chỉ dẫn, mệnh lệnh về việc khởi hành, đến nơi, hành trình, cảng cập bến, nơi dừng chân, hướng đi, bàn giao hay bất kỳ một hình thức hướng dẫn nào khác từ chính phủ của nước mà tàu mang quốc tịch hoặc của chính phủ khác hoặc của thể nhân hay pháp nhân có quyền đưa ra các mệnh lệnh nói trên đại diện cho các cơ quan chức năng của chính phủ hoặc là các ủy ban hay các cá nhân theo điều khoản bảo hiểm rủi ro chiến tranh cho tàu.
- (e) Trong trường hợp xảy ra chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố) giữa các nước ghi trong ô 30 hoặc trong trường hợp nước mà tàu treo cờ tham chiến (dù chiến tranh tuyên bố hay không tuyên bố), các Bên được quyền chấm dứt hợp đồng thuê tàu này. Ngay sau đó Bên thuê tàu sẽ giao trả lại tàu cho Bên cho thuê tàu theo như điều khoản đã ghi ở trong Phần I. Nếu vẫn còn hàng trên tàu thì tàu sẽ được giao trả tại cảng hoặc địa điểm an toàn gần nhất theo chỉ định của Bên cho thuê tàu, sau khi đã bốc dỡ tại cảng đích hoặc tại cảng an toàn gần nhất (trong trường hợp tàu bị cản trở không đến được cảng đích). Nếu trên tàu không còn hàng thì tàu sẽ được trả lại cho Bên cho thuê tàu tại cảng hoặc nơi tàu đang neo đậu hoặc tại



cảng an toàn gần nhất theo chỉ dẫn của Bên cho thuê tàu, nếu tàu đang trên biển. Trong tất cả các trường hợp đó, tiền thuê tàu vẫn được tính và ngoại trừ những điều nêu trên, các điều khoản của hợp đồng này vẫn tiếp tục được áp dụng cho đến khi giao trả tàu.

- (f) Bất kỳ điều gì được thực hiện hay không thực hiện phù hợp với điều khoản này sẽ không bị coi là sai trái.

Bên thuê tàu phải đảm bảo những vận đơn đường biển (nếu có) theo hợp đồng thuê tàu này sẽ phải bao hàm các quy định của Điều khoản 19(a)(d) và (f) nêu trên.

## **21. CÁC CẢNG LOẠI TRỪ**

- (a) Nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cho thuê tàu thì Bên thuê tàu không được ra lệnh cho con tàu đi vào (a) bất kỳ nơi nào có bệnh sốt hay dịch bệnh đang hoành hành hoặc cảng đó mà theo quy định của luật pháp, thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên không buộc phải đi theo tàu; (b) Bất kỳ một nơi nào nước đóng băng hay bất kỳ một nơi nào mà đèn hiệu, phao tiêu bị tháo gỡ hay bị che phủ bởi băng tuyết khi con tàu tới hay tại những nơi có khả năng tàu vì lý do băng tuyết cũng sẽ không tới được trong điều kiện thông thường hay ra khỏi địa điểm đó sau khi đã thực hiện xong công việc. Tàu cũng không có nghĩa vụ phải phá băng hay đi theo tàu phá băng. Nếu vì lý do băng tuyết mà Thuyền trưởng thấy rằng việc neo đậu tại nơi bốc xếp hàng và trả hàng sẽ nguy hiểm và tàu có thể bị băng tuyết bao bọc hay làm hư hỏng thì Thuyền trưởng có thể điều khiển tàu đi sang khu vực khác thuận tiện hơn và chờ đợi chỉ thị mới của Bên thuê tàu.
- (b) Nếu như tàu đi vào hay được lệnh đi vào khu vực nêu trên hay gặp phải những rủi ro đó thì: (i) Bên cho thuê tàu có quyền đòi được bảo hiểm lợi ích của mình đối với tàu và/hoặc tiền thuê tàu theo các điều kiện mà Bên cho thuê tàu cho là thích hợp. Bên thuê tàu sẽ hoàn trả phí bảo hiểm cho Bên cho thuê tàu khi được yêu cầu; (ii) cho dù có các quy định tại Điều 11, Bên thuê tàu vẫn phải thanh toán tiền thuê tàu cho Bên cho thuê tàu đối với tất cả những khoảng thời gian đã bị mất bao gồm cả những khoảng thời gian đã mất do Thuyền trưởng, sỹ quan hay thủy thủ, hành khách bị thương hay bị tổn thất về tính mạng hay do thủy thủ đoàn từ chối không chịu đi vào khu vực đó hay từ chối phải chịu những rủi ro đó.

## **22. ĐIỀU KHOẢN TỔN THẤT CHUNG VÀ NEW JASON**

Không áp dụng.

## **23. ĐIỀU KHOẢN ĐÂM VÀ HAI BÊN CÙNG CÓ LỖI**

Nếu như tàu đâm va với một tàu khác do sự sơ suất của tàu kia và do bất kỳ hành động, sự sao nhãng hay lỗi của thuyền trưởng, thủy thủ, hoa tiêu hay nhân viên của Bên cho thuê tàu trong việc điều khiển hay quản lý tàu thì Bên thuê tàu sẽ đảm bảo cho Bên cho thuê tàu được miễn trách tất cả những tổn thất hay trách nhiệm pháp lý đối với tàu kia hay tàu không chở hàng hoặc chủ của tàu đó với điều kiện tổn thất hay trách nhiệm đó là của chủ hàng được chở trên tàu thuê theo hợp đồng này, đã được tàu khác hoặc tàu không chở hàng hoặc chủ của nó bồi thường cho chủ hàng trên và đòi bồi thường hay khiếu nại tàu chuyên chở hay chủ tàu. Những quy định trên cũng được áp dụng trong trường hợp Bên cho thuê, người khai thác tàu hay những người chịu trách nhiệm về tàu, các vật thể khác không phải là tàu hay vật thể đâm va, có lỗi trong việc đâm va hoặc đâm va phải vật thể khác.

## **24. THAY ĐỔI CẤU TRÚC CON TÀU VÀ LẮP ĐẶT THÊM THIẾT BỊ**

Bên thuê tàu, bằng chi phí của mình, có thể thay đổi cấu trúc của tàu và lắp đặt thêm các thiết bị khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cho thuê tàu mà sự đồng ý này không được trì hoãn một cách phi lý. Tuy nhiên trừ khi hai bên có thoả thuận khác, tàu sẽ được giao trả lại cho Bên cho thuê tàu trong trạng thái như cũ và Bên thuê tàu sẽ chịu chi phí để khôi phục tàu trở lại tình trạng như ban đầu. Thời gian dùng để thay đổi cấu trúc hay đưa con tàu về trạng thái ban đầu vẫn được coi là thời gian thuê tàu. Trừ khi có thoả thuận khác, Bên thuê tàu sẽ



phải chịu trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng đối với việc thay đổi các cấu trúc và các thiết bị lắp đặt thêm đó.

## 25. SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Bên cho thuê tàu phải tuân thủ tất cả những quy định quốc tế cũng như quy định của nước sở tại hay địa phương nơi con tàu hoạt động và tất cả những chỉ dẫn của Bên thuê tàu về vấn đề an toàn, sức khoẻ.

## 26. THUẾ

Bên cho thuê tàu sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán về những khoản thuế lợi tức, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất & nhập khẩu, thuế nhà thầu phụ nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân của mình theo luật định, ngoại trừ thuế VAT. Bên thuê tàu sẽ hoàn trả thuế VAT theo quy định của nhà nước.

## 26. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

- (a) *Chấm dứt hợp đồng theo yêu cầu của Bên thuê tàu:* Bên thuê tàu có thể chấm dứt hợp đồng thuê tàu này vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê tàu được biết như được nêu trong ô số 15 và sẽ thanh toán cho Bên cho thuê tàu một khoản tiền như được nêu trong ô số 14 và một khoản phí huy động trả tàu ghi trong ô số 16 cũng như các khoản thuê tàu hay các khoản thanh toán khác mà Bên cho thuê tàu được hưởng theo quy định của hợp đồng thuê tàu này.
- (b) *Chấm dứt hợp đồng vì lý do cụ thể:* Nếu như một bên được biết trong những sự kiện như đã được nêu ở dưới đây xảy ra thì bên đó sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia biết trong vòng ba (03) ngày kể từ khi biết được thông tin đó. Nếu như sự kiện đó không chấm dứt trong vòng ba (03) ngày kể từ khi gửi thông báo đó thì các bên có quyền chấm dứt hợp đồng thuê tàu này mà không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của mỗi bên được hưởng theo quy định trong hợp đồng, các sự kiện đó là:
  - (i) *Trung dụng:* Nếu chính phủ của nước mà tàu đó mang quốc tịch hoặc bất kỳ cơ quan nào của chính phủ đó trung dụng tàu để thuê tàu hay sở hữu hoặc chiếm hữu tàu trong thời gian thuê tàu.
  - (ii) *Tịch thu:* Nếu như bất kỳ một chính phủ, bất kỳ một tổ chức hay cá nhân nào cho dù có ý hay không có ý hành động trên cương vị đại diện cho chính quyền bắt giữ, tịch thu, trung dụng hay nói một cách khác là chiếm quyền sở hữu tàu trong thời gian thuê tàu.
  - (iii) *Phá sản:* Trong trường hợp có quyết định hay phán quyết về việc giải thể, thanh lý hay phá sản của một trong các bên (ngoại trừ với mục đích là tổ chức lại cơ cấu hay sát nhập) hoặc nếu một cơ quan tiếp nhận được chỉ thị hay nếu bên đó đã ngừng công việc kinh doanh hay ngừng thanh toán cho khách hàng.
  - (iv) *Tổn thất đối với tàu:* Nếu như tàu bị tổn thất toàn bộ thực tế hay ước tính hay bị mất tích mà Bên cho thuê tàu không có tàu nào khác thay thế theo như quy định của Điều 18. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê tàu theo quy định của điều này thì tiền thuê tàu sẽ không được thanh toán kể từ ngày tàu bị tổn thất hoặc trong trường hợp có tổn thất toàn bộ thì kể từ ngày xảy ra sự kiện dẫn đến tổn thất đó. Nếu như không xác định được chính xác ngày tàu bị tổn thất hoặc ngày tàu bị mất tích thì tiền thuê tàu sẽ ngừng được thanh toán kể từ ngày cuối cùng mà Bên thuê tàu nhận được thông báo về con tàu đó.
  - (v) *Hư hỏng:* Nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian thuê tàu mà thiết bị hay con tàu của Bên cho thuê tàu bị hỏng dẫn tới Bên cho thuê tàu không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình trong một khoảng thời gian không vượt quá khoảng thời gian ghi trong ô số 32, ngoại trừ Bên cho thuê tàu có tàu khác thay thế theo như quy định tại Điều 18.
  - (vi) *Trường hợp bất khả kháng:* Nếu như có trường hợp bất khả kháng theo như định nghĩa tại Điều 27 xảy ra vượt quá mười lăm (15) ngày liên tục.



(vii) *Vi phạm hợp đồng*: Nếu như một trong các bên không chịu thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng.

Việc chấm dứt hợp đồng vì những lý do như ở trên Bên thuê tàu vẫn phải thanh toán tiền thuê tàu và các khoản nợ khác cho Bên cho thuê tàu.

## **27. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

Các bên sẽ không phải chịu trách nhiệm gì đối với thiệt hại, tổn thất, sự chậm trễ hay việc không thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng do trường hợp bất khả kháng gây ra, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh (cho dù tuyên bố hay không tuyên bố) hành động chiến tranh, bạo loạn, cách mạng, cướp biển, nội chiến hay hành động thù địch, đình công (ngoại trừ những tranh chấp chỉ liên quan tới nhân viên của Bên cho thuê tàu hoặc Bên thuê tàu), hành động của kẻ thù, hành động theo luật của liên bang hay của quốc gia, các quy định của bất kỳ một nhà chức trách nào có thẩm quyền hay của bất kỳ một nhóm người, một tổ chức hay một hiệp hội không chính thức nào (cho dù có được chính thức thừa nhận là chính quyền hay không) và bất kỳ một lý do nào khác vượt quá tầm kiểm soát một cách hợp lý của mỗi bên mà nó làm cho các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình với điều kiện thông báo cho bên kia biết không muộn hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra. Bất khả kháng phải được thông báo kèm theo văn bản xác nhận của phòng Thương mại/hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.

Việc thông báo chậm hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.

## **28. THÔNG BÁO VÀ HOÁ ĐƠN**

Các thông báo và hoá đơn thanh toán được yêu cầu đưa ra theo hợp đồng thuê tàu này sẽ được thông báo dưới hình thức văn bản tới địa chỉ nêu ở ô 21, 35 và 36.

## **29. THU DỌN XÁC TÀU ĐẮM**

Nếu tàu bị chìm và trở thành chướng ngại vật trên biển cần phải được dọn đi theo quy định của luật pháp hay theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền đối với khu vực có chướng ngại vật đó thì Bên cho thuê tàu phải có trách nhiệm và bằng chi phí của mình trực vớt, dọn dẹp, phá huỷ hay đánh dấu chướng ngại vật đó.

## **30. VẤN ĐỀ BẢO MẬT**

Tất cả các thông tin, số liệu mà Bên cho thuê tàu thu nhận được trong quá trình thực hiện hợp đồng này là thuộc quyền sở hữu của Bên thuê tàu, phải được giữ bí mật và không được tiết lộ ra ngoài nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên thuê tàu. Bên cho thuê tàu phải cố gắng hết sức để đảm bảo rằng Bên cho thuê tàu, các nhân viên của mình, các nhà thầu, nhà thầu phụ của mình không để lộ các thông tin, số liệu đó ra ngoài.

## **31. LUẬT PHÁP ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Hợp đồng thuê tàu này được điều chỉnh và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam, mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này mà không được hai bên giải quyết thông qua thương lượng sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng của Trung tâm này.

Luật áp dụng cho hợp đồng này là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Địa điểm tiến hành trọng tài do hai Bên thỏa thuận.

Số lượng trọng tài viên là 03 (ba người).

Ngôn ngữ dùng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt Nam

Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ. Bên thua



kiện phải chịu phí trọng tài.

### **32. TOÀN VĂN HỢP ĐỒNG**

Văn bản này là toàn văn hợp đồng giữa các bên tham gia, nó thay thế cho tất cả các thoả thuận bằng miệng hay bằng văn bản trước khi ký hợp đồng. Các thoả thuận sửa đổi, bổ sung của hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được làm bằng văn bản và có chữ ký của hai bên.

### **33. ĐIỀU KHOẢN CÓ THỂ TÁCH**

Nếu bất kỳ một phần nào của hợp đồng thuê tàu này bị tòa án hay cơ quan có thẩm quyền xác định là vô hiệu vì bất cứ một lý do nào, thì những phần này sẽ được hủy bỏ và những điều khoản còn lại vẫn sẽ tiếp tục có hiệu lực.

### **34. CHUYỂN NHƯỢNG**

Không có một điều khoản trong hợp đồng này được hiểu là sự chuyển nhượng lại tàu cho Bên thuê tàu.

### **35. ĐỊNH NGHĨA**

Trong hợp đồng này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

“*Thời gian giếng khoan*” là thời gian cần thiết để khoan, thử vỉa hoặc hoàn tất lắp đáy giếng khoan bao gồm cả việc khoan thân giếng phụ.

“*Công trình ngoài khơi*” là tàu, các công trình hay kết cấu ngoài biển, các phương tiện di động phục vụ công tác thăm dò, xây dựng, lắp đặt hoặc sửa chữa đường ống, thăm dò và khai thác ngoài khơi.

“*Địa điểm ngoài khơi*” là khu vực có bán kính ba (03) dặm biển xung quanh “công trình ngoài khơi” nơi tàu được đưa tới theo yêu cầu của Bên thuê tàu.

“*Nhân viên*” là những người làm công, Giám đốc, lãnh đạo, sỹ quan, nhân viên, đại lý hay khách mời.

“*XNXL*” là Xí nghiệp Xây lắp, Khảo sát và Sửa chữa các công trình khai thác dầu khí trực thuộc Vietsovpetro.

### **36. TIÊU ĐỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG**

Những đề mục chỉ được sử dụng để phân biệt các điều khoản của hợp đồng này chứ không được coi là một phần nội dung của điều khoản đó và cũng không xem xét tới khi giải thích hay diễn dịch các điều khoản của hợp đồng này.

### **37. CHẤT THẢI ĐỘC HẠI**

Chất thải độc hại sẽ được tập trung và phân loại tại địa điểm của Bên thuê tàu trước khi vận chuyển ra tàu theo quy định hiện hành của Việt Nam.



## PHỤ LỤC A: CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU



## PHỤ LỤC B: BẢO HIỂM

Bên cho thuê tàu, bằng chi phí của mình, cần mua và duy trì các bảo hiểm sau trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Các mức trách nhiệm (MTN) được nêu không nhằm giới hạn trách nhiệm thực tế của Bên cho thuê tàu:

1. Bảo hiểm thân vỏ tàu (Hull and Machinery Insurance) với mức trách nhiệm (MTN) không thấp hơn giá trị thực của tàu được cho thuê.
2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (Protection and Indemnity Insurance) :  
Protection and Indemnity Insurance in respect of each vessel with a Protection and Indemnity Club which is a member of the International Group of Protection and Indemnity Clubs, including coverage for:
  - wreck and debris removal, crew liability, third party injury and property damage liability, pollution liability (including oil pollution), collision liability and towage liability coverage as per standard Rules of the International Group of Protection and Indemnity Clubs; and
  - specialist operations: in the amount of Ten Million US dollars (US\$10,000,000).
3. Bảo hiểm trách nhiệm chung của bên thứ ba – Bảo hiểm cho:
  - Thương tật thân thể con người đối với bên thứ ba.
  - Thiệt hại tài sản đối với bên thứ ba.
4. Bảo hiểm sức khỏe cho người lao động và Bảo hiểm trách nhiệm chủ sử dụng lao động theo quy định pháp luật nơi thực hiện hợp đồng này.
5. Bảo hiểm trách nhiệm chung xe cơ giới (không áp dụng) - Bao gồm tất cả các phương tiện thuộc sở hữu, thuê và không sở hữu, phạm vi bao gồm bảo hiểm:
  - Thương tật thân thể con người- áp dụng theo luật hiện hành
  - Thiệt hại tài sản – áp dụng theo luật hiện hành
6. Các loại bảo hiểm khác theo quy định pháp luật Việt nam.



**PHỤ LỤC C**  
**THỎA THUẬN TỪ BỎ QUYỀN KHIẾU NẠI**  
**(KHÔNG ÁP DỤNG)**



## PHỤ LỤC D: MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

....., ngày...tháng...năm...

### THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: .....

Liên quan tới Hợp đồng \_\_\_\_\_ về việc \_\_\_\_\_ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, \_\_\_\_\_ có trụ sở chính tại \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là \_\_\_\_\_ (Bằng chữ: \_\_\_\_\_) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến \_\_\_\_\_ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

**NGÂN HÀNG BẢO LÃNH**  
(Ký tên và đóng dấu)

Trang 26 / 33



## PHỤ LỤC E: CÁC FORM MẪU

### PHỤ LỤC E.1

#### BIÊN BẢN XÁC NHẬN THỜI GIAN LÀM VIỆC

- Căn cứ hợp đồng số theo hợp đồng số ..... ký ngày ..... giữa Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và nhà thầu ..... về việc .....

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 202..., đại diện hai Bên gồm:

**BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO (Bên thuê tàu)**

Địa chỉ : 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 0254 3839871 Fax: 0254 3839857

**BÊN B: CÔNG TY .... (Bên cho thuê tàu)**

Địa chỉ :

Điện thoại : ..., Fax: ...

Hai Bên cùng nhau thống nhất, xác nhận thời gian thực hiện công việc của tàu kéo của hợp đồng số...ngày....tháng.....năm 2025 tổng cộng là .... ngày.

1. Tàu cho .... ngày

2. Tàu cho .... ngày

Biên bản này được lập thành 04 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.

**Hồ sơ kèm theo biên bản:**

- Biên bản on/offhire
- Bảng timesheet thời gian làm việc của tàu kéo

**LDVN VIETSOVPETRO**

**CÔNG TY ...**



## PHỤ LỤC E.2

### BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

- Căn cứ hợp đồng số ..... ký ngày ..... giữa Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và nhà thầu ..... về việc .....

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 202..., đại diện hai Bên, bao gồm:

#### **BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO (Bên thuê tàu)**

Địa chỉ : 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 0254 3839871 Fax: 0254 3839857

#### **BÊN B: CÔNG TY ..... (Bên cho thuê tàu)**

Địa chỉ :

Điện thoại : ..... Fax:

Hai bên tiến hành xem xét, tính toán và quyết toán hợp đồng như sau:

#### 1. Thời hạn thực hiện công việc:

- Thời hạn thực hiện theo hợp đồng: ..... ngày lịch kể từ ngày onhire cho đến ngày offhire.
- Thời gian thực hiện thực tế: .... ngày lịch (bắt đầu ngày ....., kết thúc ngày .....

Thời hạn thực hiện công việc thực tế phù hợp với thời hạn quy định trong hợp đồng

#### 2. Chất lượng công việc:

Căn cứ vào Biên bản xác nhận thời gian làm việc, Bên B đã hoàn thành công việc đúng theo quy định của hợp đồng đã ký.

#### 3. Giá trị công việc:

3.1. Giá trị công việc theo hợp đồng: ..... đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%).

3.2. Tổng giá trị quyết toán thực tế sau khi hoàn thành công việc:

..... đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%).

*Bằng chữ*..... đồng.

4. Thương phạt: ....

#### Hồ sơ kèm theo biên bản:

- Hợp đồng số .....
- Bảng giá trị quyết toán.
- Biên bản xác nhận thời gian làm việc
- Biên bản on/offhire

**LDVN VIETSOVPETRO**

**CÔNG TY ...**



PHỤ LỤC E.3

ON-HIRE CERTIFICATE  
(BIÊN BẢN XÁC NHẬN THỜI GIAN BẮT ĐẦU THUÊ TÀU)

**Contract No:**

Số hợp đồng

**Charterer:**

Bên thuê tàu

LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO – XNXL KS&SC

CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC DẦU KHÍ (VSP)

**Name of vessel:**

Tên tàu

**Port of registry:**

Cảng đăng ký

**Ship owner/ Bidder:**

Chủ tàu/ Bên cho

thuê tàu

**Location of survey:**

Địa điểm kiểm tra tàu

**Agreed On-Hire at:**

Thời gian bàn giao tàu

(bắt đầu thuê tàu)

.....h.....ngày.....tháng.....năm.....

**Khối lượng nhiên liệu**

dầu DO

..... m3

At the time of our survey, following were the vessel's equipment condition as follow:

Tại thời điểm giám định tàu, tình trạng thực tế các trang thiết bị như sau:

No	Item Hạng mục	Conditions Tình trạng		Remark (if fails, pls remark reason) Nếu hỏng hóc/ thiếu, ghi rõ lí do
		Good Tốt	Fail Hỏng hóc	
1	Hull Thân vỏ tàu			
2	Comunication Equipments (Radar, Radio VHF, Walkie Talkie, AIS) Thiết bị thông tin liên lạc (Radar, Đài VHF, Điện đàm, Thiết bị định vị tàu)			
3	Towing Line, Towing Winch Dây kéo, tời kéo			
4	Ship's Anchor Neo tàu			
5	Life Saving Equipments (Life draft, life buoys, life jackets...) Thiết bị cứu sinh (Phao tròn, phao bè, áo phao...)			
6	Fire Fighting equipment Thiết bị cứu hỏa			
7	Navigation Equipments Thiết bị hàng hải			
8	Main Engine Máy chính			



9	Generator Engine <i>Máy đèn</i>			
10	Electrical Board <i>Bảng điện điều khiển</i>			
11	Others <i>Các hạng mục khác</i>			

**Đại diện Bên B**

**Đại diện Bên A**



## PHỤ LỤC E.4

### OFF-HIRE CERTIFICATE (BIÊN BẢN XÁC NHẬN THỜI GIAN KẾT THÚC THUÊ TÀU)

**Contract No:**

Số hợp đồng

**Charterer:**

Bên thuê tàu

LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO – XNXL KS&amp;SC

CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC DẦU KHÍ (VSP)

**Name of vessel:**

Tên tàu

**Port of registry:**

Cảng đăng ký

**Ship owner/ Bidder:**

Chủ tàu/ Bên cho

thuê tàu

**Location of survey:**

Địa điểm kiểm tra tàu

**Agreed Off-Hire at:**Thời gian bàn giao lại  
tàu (kết thúc thuê tàu)

.....h.....ngày.....tháng.....năm.....

**Khối lượng nhiên liệu****dầu DO**

..... m3

At the time of our survey, following were the vessel's equipment condition as follow:

Tại thời điểm giám định tàu, tình trạng thực tế các trang thiết bị như sau:

No	Item Hạng mục	Conditions Tình trạng		Remark (if fails, pls remark reason) Nếu hỏng hóc/ thiếu, ghi rõ lí do
		Good Tốt	Fail Hỏng hóc	
1	Hull Thân vỏ tàu			
2	Comunication Equipments (Radar, Radio VHF, Walkie Talkie, AIS) Thiết bị thông tin liên lạc (Radar, Đài VHF, Điện đàm, Thiết bị định vị tàu)			
3	Towing Line, Towing Winch Dây kéo, tời kéo			
4	Ship's Anchor Neo tàu			
5	Life Saving Equipments (Life draft, life buoys, life jackets...) Thiết bị cứu sinh (Phao tròn, phao bè, áo phao...)			
6	Fire Fighting equipment Thiết bị cứu hỏa			
7	Navigation Equipments Thiết bị hàng hải			
8	Main Engine			

Trang 31 / 33



	<i>Máy chính</i>			
9	Generator Engine <i>Máy đèn</i>			
10	Electrical Board <i>Bảng điện điều khiển</i>			
11	Others <i>Các hạng mục khác</i>			

**Đại diện Bên B**

**Đại diện Bên A**



**PHỤ LỤC E.5**

**TIME SHEET  
(LỊCH HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU)**

MV of Tugboat:

Tên tàu :

Cargo: Nil

Hàng hóa

Departure: .....h....., ngày .....tháng.....năm.....

Khởi hành

Arrival: .....h.....00, ...../...../202.....

Đến nơi

MV/BARGE:

Tên tàu/Sà lan:

Position of/ Port:

Vị trí/ Cảng:

Time commenced: .....h....., ngày .....

Thời gian bắt đầu

Time completed: .....h....., ngày .....

Thời gian kết thúc

DATE	WORKING TIME		HOURS	STANDBY TIME		HOURS	REMARKS/ DESCRIPTION
	From	To		From	To		
dd/mm/yy	...h...	...h...					
<b>Total</b> (Tổng cộng số giờ thuê)			.....hours			.....hours	
<b>Quy đổi ra tổng số ngày thuê</b>			.....ngày			.....ngày	Làm tròn 3 số thập phân sau dấu phẩy

**Đại diện Bên B**

**Đại diện Bên A**

